

NGHIÊM VIẾT HẢI (Tổng Chủ biên) – ĐOÀN CHÍ KIÊN (Chủ biên)
HOÀNG NGỌC BÌNH – DOãn XUÂN HÙNG – HOÀNG QUỐC HUY
MAI ĐỨC KIÊN – DOãn VĂN NGHĨA – THẨM HOÀNG TÚ

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

11



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGHIÊM VIẾT HẢI (Tổng Chủ biên) – ĐOÀN CHÍ KIẾN (Chủ biên)
HOÀNG NGỌC BÌNH – DOÃN XUÂN HÙNG – HOÀNG QUỐC HUY
MAI ĐỨC KIẾN – DOÃN VĂN NGHĨA – THẨM HOÀNG TÚ

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH



11

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Hướng dẫn sử dụng sách

MỞ ĐẦU

Thực hiện hoạt động mở đầu sẽ giúp em hướng đến những điều cần tìm hiểu của bài học.

KHÁM PHÁ

Thực hiện hoạt động khám phá sẽ giúp em hình thành kiến thức mới, giải quyết vấn đề đặt ra của bài học.

THỰC HÀNH

Thực hiện các nội dung thực hành là một trong những cách giúp em khám phá, rèn luyện kiến thức, kĩ năng của bài học.

LUYỆN TẬP

Thực hiện hoạt động luyện tập sẽ giúp em củng cố, rèn luyện các kiến thức, kĩ năng đã học.

VẬN DỤNG

Thực hiện hoạt động vận dụng sẽ giúp em giải quyết những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến kiến thức đã học.

Em có biết?

Thông tin mục này giúp em mở rộng hiểu biết về nội dung bài học.

*Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng
các em học sinh lớp sau!*

Mục lục

		Trang
Lời nói đầu		4
Bài 1	Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	5
Bài 2	Luật Nghĩa vụ quân sự và trách nhiệm của học sinh	11
Bài 3	Phòng chống tệ nạn xã hội ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế	18
Bài 4	Một số vấn đề về vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường	23
Bài 5	Kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân	29
Bài 6	Giới thiệu một số loại súng bộ binh, thuốc nổ, vật cản và vũ khí tự tạo	36
Bài 7	Pháp luật về quản lí vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ	46
Bài 8	Lợi dụng địa hình, địa vật	51
Bài 9	Nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo	55
Bài 10	Kĩ thuật sử dụng lựu đạn	60
Bảng giải thích thuật ngữ		67

Lời nói đầu

Các em thân mến!

Sách giáo khoa *Giáo dục quốc phòng và an ninh 11* được biên soạn theo quy định tại Thông tư 46/2020/TT-BGDĐT ngày 24/11/2020 trên cơ sở bám sát quan điểm đổi mới giáo dục phổ thông với trọng tâm là chuyển phương pháp giáo dục từ chú trọng truyền thụ kiến thức sang giúp học sinh hình thành, phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực. Sách được biên soạn, thiết kế với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng như quan sát các hình ảnh, đọc, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm,... bảo đảm khoa học về nội dung và nhận thức, khuyến khích học sinh tự tìm hiểu, khám phá, vận dụng kiến thức.

Với nội dung 10 bài học, sách sẽ giúp các em hình thành, phát triển hơn nữa phẩm chất và năng lực theo mục tiêu môn học ở các chủ đề: Một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh; kĩ thuật chiến đấu bộ binh; chiến thuật bộ binh; kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân. Nội dung các bài học bảo đảm các tiêu chí: chuẩn mực, khoa học, phù hợp với thực tiễn công tác Giáo dục quốc phòng tại nhà trường và các cơ sở giáo dục.

Các hoạt động học tập trong sách giúp giáo viên thuận lợi hơn trong hoạt động giảng dạy, học sinh dễ học, góp phần nâng cao chất lượng học tập và đạt được mục tiêu bài học đặt ra. Hi vọng cuốn sách sẽ tiếp tục là người bạn đồng hành tin cậy của các em học sinh và giáo viên trong sự nghiệp trồng người.

Chúc các em thành công!

CÁC TÁC GIẢ



BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- * Nêu được những nội dung cơ bản của Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới;
- * Nêu và phân tích được những nội dung cơ bản về chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia; những nội dung cơ bản của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982; Luật Biển Việt Nam; những khái niệm về biên giới và đường biên giới đất liền, trên biển, thềm lục địa, trên không, trong lòng đất, đặc biệt là chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam;
- * Xác định và thực hiện được ý thức trách nhiệm của công dân trong quản lý, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia.

MỞ ĐẦU

Ngày 19/9/1954, trong buổi nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn quân Tiên phong, Bác Hồ đã căn dặn: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Em hãy nêu ý nghĩa của câu nói đó.



Hình 1.1. Bác Hồ nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn quân Tiên phong tại Đền Giếng (Khu di tích lịch sử Đền Hùng), ngày 19/9/1954

KHÁM PHÁ

I. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Mục tiêu

Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, nền văn hoá và lợi ích quốc gia – dân tộc; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Quan điểm

Giữ vững sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế – xã hội là lợi ích cao nhất của đất nước.

Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy cao nhất sức mạnh của dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại. Phát huy mạnh mẽ nội lực là nhân tố quyết định; đồng thời, tranh thủ tối đa mọi thuận lợi từ bên ngoài.

Xây dựng sức mạnh tổng hợp của đất nước về chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, lực lượng vũ trang làm nòng cốt.

Quán triệt đường lối độc lập, tự chủ; đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Kiên trì chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá.

Vận dụng đúng đắn quan điểm về đối tác, đối tượng: Những ai tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác; bất kì thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của Nhà nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng của chúng ta.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Chủ quyền lãnh thổ

“Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời⁽¹⁾”. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm.

2. Biên giới quốc gia

Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo; trong đó, có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam⁽²⁾.

Biên giới quốc gia trên đất liền được hoạch định và đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống mốc quốc giới⁽³⁾.

Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ, là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam được xác định theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và các Điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan⁽⁴⁾.

Biên giới quốc gia trong lòng đất là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất⁽⁵⁾.

Biên giới quốc gia trên không là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên vùng trời⁽⁶⁾.



Hình 1.2. Mốc quốc giới số 314
Việt Nam – Campuchia



Biên giới quốc gia trên đất liền, biên giới quốc gia trên biển, biên giới quốc gia trong lòng đất và biên giới quốc gia trên không được xác định như thế nào?

⁽¹⁾ Điều 1 Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

⁽²⁾, ⁽³⁾, ⁽⁴⁾, ⁽⁵⁾, ⁽⁶⁾ Điều 1; Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 5 Luật Biên giới quốc gia năm 2003.

3. Khu vực biên giới⁽⁷⁾

Khu vực biên giới trên đất liền gồm xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia trên đất liền.

Khu vực biên giới trên biển tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo.

Khu vực biên giới trên không gồm phần không gian dọc biên giới quốc gia, có chiều rộng 10 km tính từ biên giới quốc gia trở vào.

4. Các hành vi bị nghiêm cấm⁽⁸⁾

Xê dịch, phá hoại mốc quốc giới; làm sai lệch, chệch hướng đi của đường biên giới quốc gia; làm thay đổi dòng chảy tự nhiên của sông, suối biên giới; gây hư hại mốc quốc giới.

Phá hoại an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới; xâm canh, xâm cư ở khu vực biên giới; phá hoại công trình biên giới.

Làm cạn kiệt nguồn nước, gây ngập úng, gây ô nhiễm môi trường, xâm phạm tài nguyên thiên nhiên và lợi ích quốc gia.

Qua lại trái phép biên giới quốc gia; buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ, vũ khí, ma tuý, chất nguy hiểm cháy, nổ qua biên giới quốc gia; vận chuyển qua biên giới quốc gia văn hoá phẩm độc hại và các loại hàng hoá khác mà Nhà nước cấm nhập khẩu, xuất khẩu.

Bay vào khu vực cấm bay; bắn, phóng, thả, đưa qua biên giới quốc gia trên không phương tiện bay, vật thể, các chất gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh, kinh tế, sức khoẻ nhân dân, môi trường, an toàn hàng không và trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

Các hành vi khác vi phạm pháp luật về biên giới quốc gia.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC VỀ LUẬT BIỂN NĂM 1982 VÀ LUẬT BIỂN VIỆT NAM

1. Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982

Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 được công bố vào ngày 10/12/1982 và chính thức có hiệu lực từ ngày 16/11/1994, bao gồm 17 phần, 320 điều và 9 phụ lục. Đây là văn kiện pháp lý quan trọng, điều chỉnh quyền và nghĩa vụ cơ bản của các quốc gia trong sử dụng biển; quản lý và bảo tồn các tài nguyên biển.



Biển báo khu vực biên giới trên đất liền ở xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng



Biển báo khu vực biên giới trên biển ở xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà

Hình 1.3



Hình 1.4. Bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc tại đảo Song Tử Tây

(7), (8) Điều 6, Điều 14 Luật Biên giới quốc gia năm 2003.

Ngày 23/6/1994, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX, kì họp thứ năm đã thông qua Nghị quyết về việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Nghị quyết khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với nội thủy, lãnh hải, quyền chủ quyền, quyền tài phán đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam trên cơ sở các quy định của Công ước và các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, yêu cầu các nước tôn trọng các quyền nói trên của Việt Nam.

Cũng trong Nghị quyết này, Quốc hội tiếp tục khẳng định chủ quyền của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việt Nam có đầy đủ bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo này. Đồng thời, Quốc hội chủ trương nhất quán giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên biển bằng biện pháp hoà bình, trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng pháp luật quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982⁽⁹⁾.



Đảo Song Tử Tây thuộc quần đảo nào của nước ta?

2. Luật Biển Việt Nam

Luật Biển Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 21/6/2012. Luật này gồm 7 chương, 55 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013.

Luật Biển Việt Nam quy định về đường cơ sở, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, các đảo, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và quần đảo khác thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; hoạt động trong vùng biển Việt Nam; phát triển kinh tế biển; quản lý và bảo vệ biển, đảo⁽¹⁰⁾.

Một số nội dung của Luật Biển Việt Nam:

Vùng biển Việt Nam bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, được xác định theo pháp luật Việt Nam, Điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982⁽¹¹⁾.

Vùng biển quốc tế là tất cả các vùng biển nằm ngoài vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam và các quốc gia khác, nhưng không bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển⁽¹²⁾.

Đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam là đường cơ sở thẳng đã được Chính phủ công bố. Chính phủ xác định và công bố đường cơ sở ở những khu vực chưa có đường cơ sở sau khi được Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn⁽¹³⁾.

⁽⁹⁾ Theo Nghị quyết của Quốc hội ngày 23/6/1994 về việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

^{(10), (11)} Điều 1; Khoản 1, Điều 3 Luật Biển Việt Nam năm 2012.

^{(12), (13)} Khoản 2, Điều 3; Điều 8 Luật Biển Việt Nam năm 2012.

Nội thủy: Là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam⁽¹⁴⁾.

Lãnh hải: Là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam⁽¹⁵⁾.

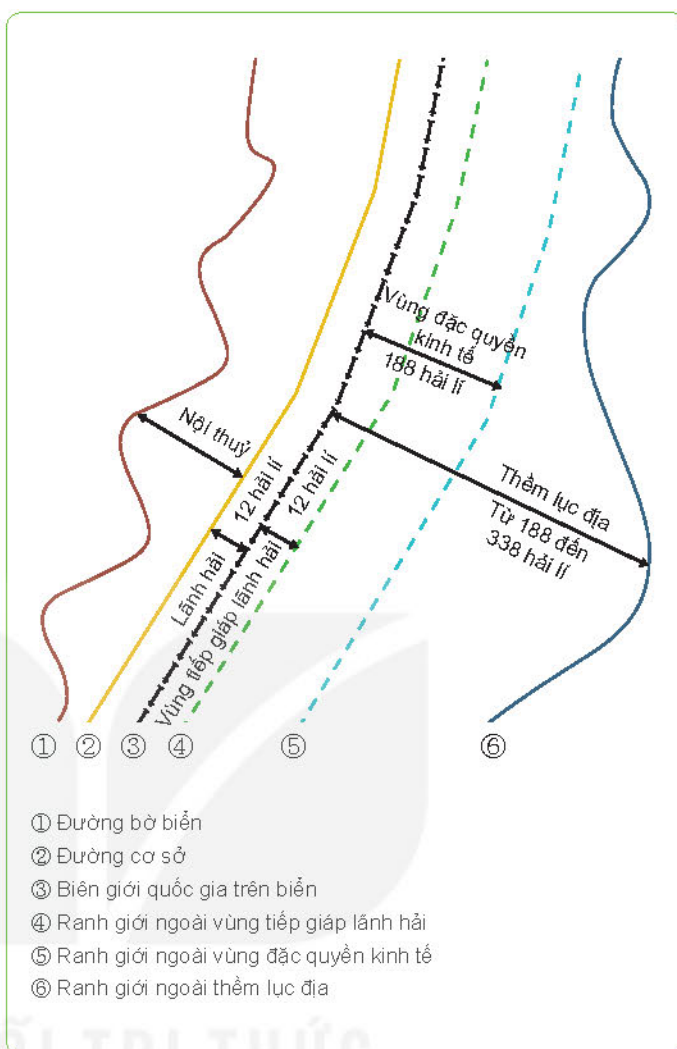
Vùng tiếp giáp lãnh hải: Là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải⁽¹⁶⁾.

Vùng đặc quyền kinh tế: Là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở⁽¹⁷⁾.

Thềm lục địa: Là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa. Ranh giới ngoài thềm lục địa cách đường cơ sở không quá 350 hải lý⁽¹⁸⁾.

Đảo: Là vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước⁽¹⁹⁾.

Quần đảo: Là một tập hợp các đảo, bao gồm cả bộ phận của các đảo, vùng nước tiếp liền và các thành phần tự nhiên khác có liên quan chặt chẽ với nhau⁽²⁰⁾.



Hình 1.5. Sơ đồ vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia Việt Nam



Em hãy vẽ sơ đồ vùng biển Việt Nam.

(14), (15) Điều 9, Điều 11 Luật Biển Việt Nam năm 2012.

(16), (17), (18), (19), (20) Điều 13, Điều 15, Điều 17, Điều 19 Luật Biển Việt Nam năm 2012.

IV. TRÁCH NHIỆM TRONG BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Trách nhiệm của công dân

Chủ động học tập, nghiên cứu nắm chắc và chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

Thường xuyên nêu cao ý thức trong quản lí, xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; tinh thần cảnh giác cách mạng trước mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc khi cần.

Tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; vận động người thân, gia đình, nhân dân địa phương chấp hành nghiêm pháp luật; kịp thời báo cho chính quyền hoặc lực lượng chức năng gần nhất khi có những hành động xâm hại đến chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

2. Trách nhiệm của học sinh

Tích cực học tập, nâng cao nhận thức pháp luật về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

Không làm những việc ảnh hưởng đến chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và những hành vi vi phạm pháp luật khác.

Thường xuyên tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về xây dựng, quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia. Tự giác tham gia các hoạt động tìm hiểu, tuyên truyền về chủ quyền biên giới quốc gia, biển, đảo do nhà trường, đoàn thanh niên và các cấp phát động.

Khi phát hiện những hành vi vi phạm chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia cần có biện pháp ngăn chặn phù hợp và báo cáo kịp thời với nhà trường, chính quyền địa phương hoặc lực lượng chức năng gần nhất.

LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu, quan điểm của Đảng về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới là gì?
2. Theo Luật Biên giới quốc gia năm 2003, những hành vi nào bị nghiêm cấm?
3. Nêu khái niệm đường cơ sở, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, đảo và quần đảo.

VẬN DỤNG

1. Thái cùng các bạn trong lớp đi tham quan cột mốc biên giới. Một bạn trong lớp có ý định vượt mốc giới sang nước bạn để hái hoa rừng. Trong trường hợp này, Thái sẽ khuyên bạn như thế nào?
2. Sưu tầm một câu chuyện về tấm gương anh hùng lực lượng vũ trang trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



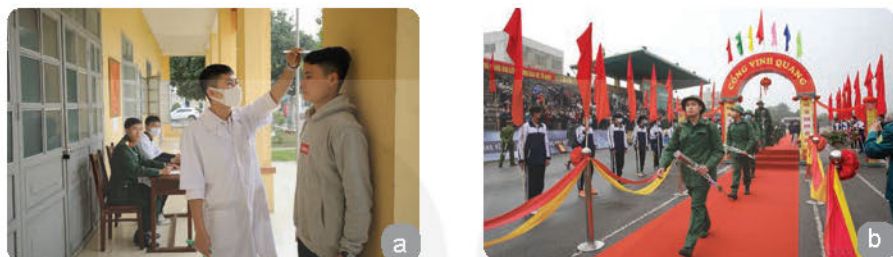
LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- * Nêu được những nội dung chính của Luật Nghĩa vụ quân sự; Nghị định của Chính phủ về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;
- * Biết đăng kí và thực hiện nghĩa vụ quân sự.

MỞ ĐẦU

Theo em, hình 2.1 thể hiện những hoạt động gì?



Hình 2.1

KHÁM PHÁ

I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 gồm 9 chương, 62 điều. Nội dung của Luật quy định những vấn đề chung nhất về nghĩa vụ quân sự; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân và chế độ, chính sách trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự.

1. Nghĩa vụ quân sự của công dân

Nghĩa vụ quân sự là nghĩa vụ vẻ vang của công dân phục vụ trong Quân đội nhân dân. Thực hiện nghĩa vụ quân sự bao gồm phục vụ tại ngũ và phục vụ trong ngạch dự bị của Quân đội nhân dân.

Công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, không phân biệt dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp, nơi cư trú phải thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Công dân phục vụ trong lực lượng cảnh sát biển và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được coi là thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ.

Công dân thuộc một trong các trường hợp sau đây được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình: Dân quân thường trực có ít nhất 24 tháng phục vụ thì được công nhận hoàn thành thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình; hoàn thành nhiệm vụ tham gia công an xã liên tục từ đủ 36 tháng trở lên; cán bộ, công chức, viên chức, sinh viên tốt nghiệp đại học trở lên, đã được đào tạo và phong quân hàm sĩ quan dự bị; thanh niên đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp tình nguyện phục vụ tại đoàn kinh tế – quốc phòng từ đủ 24 tháng trở lên; công dân phục vụ trên tàu kiểm ngư từ đủ 24 tháng trở lên.



Nghĩa vụ quân sự là gì? Công dân phục vụ trong lực lượng dân quân tự vệ có được coi là thực hiện nghĩa vụ quân sự không? Tại sao?

2. Đăng kí nghĩa vụ quân sự

Đối tượng đăng kí nghĩa vụ quân sự: Công dân nam đủ 17 tuổi trở lên. Công dân nữ đủ 18 tuổi trở lên (có ngành, nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu của Quân đội nhân dân).

Đối tượng miễn đăng kí nghĩa vụ quân sự: Người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh tâm thần hoặc bệnh mạn tính theo quy định của pháp luật.

Đối tượng không được đăng kí nghĩa vụ quân sự: Là công dân thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hình phạt tù, cải tạo không giam giữ, quản chế hoặc đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xoá án tích.
- Đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) hoặc đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- Bị tước quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Hồ sơ, thủ tục đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu:

- Hồ sơ: Phiếu tự khai sức khoẻ nghĩa vụ quân sự; bản chụp căn cước công dân hoặc giấy khai sinh.
- Thủ tục:
 - + Tháng Tư hằng năm, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện ra lệnh gọi công dân đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu,...
 - + Ban Chỉ huy quân sự cấp xã chuyển Lệnh gọi đăng kí nghĩa vụ quân sự đến công dân cư trú tại địa phương trước thời hạn đăng kí nghĩa vụ quân sự 10 ngày.
 - + Công dân trực tiếp đăng kí nghĩa vụ quân sự tại Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.
 - + Ban Chỉ huy quân sự cấp xã hướng dẫn công dân ghi Phiếu tự khai sức khoẻ nghĩa vụ quân sự, Sổ danh sách công dân nam đủ 17 tuổi trong năm và Sổ đăng kí công dân sẵn sàng nhập ngũ; chuyển Giấy chứng nhận đăng kí nghĩa vụ quân sự cho công dân.



Hình 2.2. Đăng kí nghĩa vụ quân sự của công dân



Đối tượng nào được đăng kí, miễn đăng kí nghĩa vụ quân sự?

3. Nhập ngũ

Luật Nghĩa vụ quân sự 2015 quy định:

Tiêu chuẩn công dân được gọi nhập ngũ: Công dân được gọi nhập ngũ khi có đầy đủ các điều kiện sau: Có lí lịch rõ ràng; chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đủ sức khoẻ phục vụ tại ngũ theo quy định; có trình độ văn hoá phù hợp. Ngoài ra, các quân, binh chủng còn có các tiêu chuẩn tuyển chọn riêng.



Hình 2.3. Thanh niên lên đường nhập ngũ

Độ tuổi gọi nhập ngũ: Công dân từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi, công dân được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ thì độ tuổi gọi nhập ngũ đến hết 27 tuổi.

Thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ: Trong thời bình, thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ là 24 tháng. Trong tình trạng chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp về quốc phòng được thực hiện theo lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ.

Các trường hợp công dân được tạm hoãn gọi nhập ngũ:

- Chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của hội đồng khám sức khỏe.
- Là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động trong gia đình bị thiệt hại nặng về người và tài sản do tai nạn, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây ra được ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.
- Một con của bệnh binh, người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%.
- Có anh, chị hoặc em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ; hạ sĩ quan, chiến sĩ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.
- Người thuộc diện di dân, giãn dân trong 3 năm đầu đến các xã đặc biệt khó khăn theo dự án phát triển kinh tế – xã hội của Nhà nước do ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên quyết định; cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông.
- Đang được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục đại học, trình độ cao đẳng hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian một khóa đào tạo của một trình độ đào tạo; dân quân thường trực.

Các trường hợp công dân được miễn gọi nhập ngũ:

- Con của liệt sĩ, con của thương binh hạng một; một anh hoặc một em trai của liệt sĩ.
- Một con của thương binh hạng hai; một con của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; một con của người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.
- Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, Công an nhân dân.
- Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật từ 24 tháng trở lên.



Gia đình Dũng có hai mẹ con, mẹ Dũng mắc bệnh hiểm nghèo không còn khả năng lao động. Theo Luật Nghĩa vụ quân sự, Dũng có được miễn gọi nhập ngũ không? Vì sao?

4. Một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân

Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ trong thời gian phục vụ tại ngũ: Được bảo đảm kịp thời, đủ số lượng, đúng chất lượng về lương thực, thực phẩm, quân trang, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; được bảo đảm chỗ ở, phụ cấp hằng tháng và một số chế độ đãi ngộ khác.

Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ khi xuất ngũ: Được cấp tiền tàu xe, phụ cấp đi đường, trợ cấp xuất ngũ. Trước khi nhập ngũ, đang học tập hoặc có giấy gọi vào học tập tại các trường thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả, được tiếp nhận vào học ở các trường đó; được trợ cấp tạo việc làm,...

Đối với thân nhân hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ: Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng; người nuôi dưỡng hợp pháp; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp được hưởng chế độ bảo hiểm y tế, trợ cấp khó khăn,...

5. Các hành vi bị nghiêm cấm và xử lý vi phạm hành chính

a) Các hành vi bị nghiêm cấm

- Trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự.
- Chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự.
- Gian dối trong khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về nghĩa vụ quân sự.
- Sử dụng hạ sĩ quan, binh sĩ trái quy định của pháp luật.
- Xâm phạm thân thể, sức khỏe; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của hạ sĩ quan, binh sĩ.

b) Xử lý vi phạm hành chính⁽¹⁾

- Không đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu; không thực hiện đăng kí nghĩa vụ quân sự khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập theo quy định; không thực hiện đăng kí nghĩa vụ quân sự tạm vắng theo quy định.
- Cố ý không nhận lệnh gọi kiểm tra, khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự; không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm kiểm tra, khám sức khỏe ghi trong lệnh gọi kiểm tra hoặc khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự mà không có lí do chính đáng; gian dối, làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của mình nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự; đưa tiền, tài sản, hoặc lợi ích vật chất khác trị giá dưới 2 000 000 đồng cho cán bộ, nhân viên y tế hoặc người khác để làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của người được kiểm tra hoặc người được khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự.
- Không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm tập trung ghi trong lệnh gọi nhập ngũ mà không có lí do chính đáng; gian dối nhằm trốn tránh thực hiện lệnh gọi nhập ngũ sau khi đã có kết quả khám tuyển sức khỏe nghĩa vụ quân sự đủ điều kiện nhập ngũ theo quy định.

⁽¹⁾ Theo Nghị định số 37/2022/NĐ-CP của Chính phủ (Ban hành ngày 06/06/2022 và có hiệu lực từ ngày 22/07/2022).

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THAM GIA CÔNG AN NHÂN DÂN

Nghị định số 70/2019/NĐ-CP ngày 23/8/2019 của Chính phủ quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân gồm 4 chương, 19 điều. Nội dung Nghị định quy định những vấn đề chung nhất về đối tượng, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục tuyển chọn và chế độ, chính sách, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

1. Đối tượng tuyển chọn

- Công dân nam trong độ tuổi gọi nhập ngũ đã đăng kí nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015. Công dân nữ trong độ tuổi gọi nhập ngũ đã đăng kí nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự, có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Công an nhân dân, nếu tự nguyện và Công an nhân dân có nhu cầu thì được xem xét, tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.
- Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể độ tuổi tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng đơn vị sử dụng và quy định ngành, nghề cần thiết để tuyển chọn công dân nữ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân phù hợp với nhu cầu sử dụng trong từng thời kì.



Mọi công dân trong độ tuổi gọi nhập ngũ đều là đối tượng tuyển chọn thực hiện tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân có đúng không? Vì sao?

2. Tiêu chuẩn tuyển chọn

- Có lí lịch rõ ràng; nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không có tiền án, tiền sự, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, quản chế, không trong thời gian bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; có phẩm chất, đạo đức tư cách tốt, được quần chúng nhân dân nơi cư trú hoặc nơi học tập, công tác tín nhiệm.
- Bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ theo chế độ nghĩa vụ trong Công an nhân dân.
- Có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên. Các xã miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn được tuyển công dân có bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở.



Hình 2.4. Thanh niên thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

- Thể hình cân đối, không dị hình, dị dạng và đáp ứng các tiêu chuẩn sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.



Để được thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, mọi công dân phải có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên. Theo em, ý kiến đó có đúng không? Vì sao?

3. Hồ sơ, thủ tục tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

- Hồ sơ tuyển chọn:
 - + Tờ khai đăng kí thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.
 - + Giấy chứng nhận đăng kí nghĩa vụ quân sự.
- Thủ tục tuyển chọn:
 - + Công an xã, phường, thị trấn căn cứ số lượng gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được giao trên địa bàn xã, tiến hành tham mưu với uỷ ban nhân dân cùng cấp tổ chức thông báo, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại trụ sở công an, uỷ ban nhân dân cấp xã về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng kí dự tuyển. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng kí dự tuyển ít nhất là 30 ngày, kể từ ngày thông báo; tiếp nhận hồ sơ của công dân đăng kí dự tuyển và tổ chức sơ tuyển (chiều cao, cân nặng, hình thể); báo cáo kết quả (kèm theo hồ sơ) của những trường hợp đạt yêu cầu qua sơ tuyển về công an cấp huyện.
 - + Công an cấp huyện tiến hành tuyển chọn và gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân theo quy định.

III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ NGHĨA VỤ THAM GIA CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Trách nhiệm của công dân

- Chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.
- + Khi có lệnh gọi đăng kí nghĩa vụ quân sự phải đến đúng thời gian, địa điểm và thực hiện đăng kí nghĩa vụ quân sự. Khi thay đổi hoặc rời khỏi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập phải đến cơ quan đăng kí nghĩa vụ quân sự làm các thủ tục theo quy định.
- + Chấp hành nghiêm lệnh khám tuyển; có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi trong lệnh gọi nhập ngũ. Trường hợp không đến đúng thời gian, phải có giấy chứng nhận của uỷ ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Em có biết?

Trong thời gian phục vụ tại ngũ và khi xuất ngũ, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ được hưởng các chế độ, chính sách quy định như đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ trong Quân đội nhân dân.

Khi hết thời hạn phục vụ tại ngũ có đủ tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu sử dụng của Công an nhân dân, nếu tự nguyện và Công an nhân dân có nhu cầu thì được xét chuyển sang chế độ phục vụ chuyên nghiệp.

- Tích cực tham gia tuyên truyền, vận động người thân, gia đình, bạn bè và những người xung quanh chấp hành nghiêm các quy định về đăng kí và thực hiện nghĩa vụ quân sự; thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.
- Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với các biểu hiện ngại khó, ngại khổ, các thông tin sai lệch về thực hiện nghĩa vụ quân sự và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; các hành vi vi phạm quy định về đăng kí, khám tuyển và thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân.

2. Trách nhiệm của học sinh

- Chấp hành nghiêm trách nhiệm của một công dân đối với các nội dung phù hợp với lứa tuổi học sinh trong thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; tích cực học tập các nội dung chính trị, quân sự trong chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh ở các nhà trường theo quy định.
- Tích cực tham gia các hoạt động trong nhà trường và ở địa phương nhằm tuyên truyền về thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.
- Đấu tranh với những biểu hiện và hành vi không đúng về thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

LUYỆN TẬP

Em hãy đọc thông tin dưới đây, sau đó đưa ra suy nghĩ của mình về Hùng và mẹ của Hùng.

Gia đình Hùng có hai mẹ con, bố Hùng là liệt sĩ. Sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông, Hùng xin phép mẹ viết đơn tình nguyện nhập ngũ với mong muốn được tham gia vào quân đội, không chỉ để tiếp tục ước mơ theo con đường binh nghiệp của bố, mà còn là nghĩa vụ của người công dân, là niềm vinh dự, tự hào của mỗi người thanh niên khi góp một phần công sức của mình vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khi Hùng bày tỏ ý muốn tham gia nghĩa vụ quân sự, mặc dù gia đình neo người, hoàn cảnh còn nhiều khó khăn, vất vả nhưng mẹ Hùng rất vui và tự hào vì Hùng đã thực sự khôn lớn, trưởng thành. Mẹ động viên Hùng phát huy truyền thống quê hương, gia đình để yên tâm lên đường nhập ngũ, hoàn thành nghĩa vụ thiêng liêng của mình với Tổ quốc.

VẬN DỤNG

1. Em thấy mình đã đạt được những tiêu chuẩn nào để tham gia nghĩa vụ quân sự (nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân)? Nếu muốn trở thành người chiến sĩ trong Quân đội nhân dân hoặc Công an nhân dân em phải làm gì?
2. Em hãy chuẩn bị nội dung và thuyết trình trước lớp về đối tượng, độ tuổi đăng kí nghĩa vụ quân sự.



PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG THỜI KÌ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- * Nêu được một số loại hình tội phạm và tệ nạn xã hội; hình thức, cách thức hoạt động của các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, đặc biệt là tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế;
- * Nêu được quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao;
- * Tích cực, chủ động thực hiện trách nhiệm của công dân trong thực hiện quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao;
- * Tuyên truyền các biện pháp phòng, chống không để các đối tượng phạm tội móc nối, lôi kéo bản thân và gia đình vi phạm pháp luật.

MỞ ĐẦU

1. Kể tên một số thủ đoạn của tội phạm lừa đảo trên không gian mạng mà em biết.
2. Em hãy cho biết tác hại của một số loại tệ nạn xã hội ở nước ta hiện nay.

KHÁM PHÁ

I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ TỘI PHẠM

1. Khái niệm tội phạm

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lí hình sự⁽¹⁾.



Hình 3.1. Đối tượng thực hiện hành vi phạm tội sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật

⁽¹⁾ Khoản 1, Điều 8 Bộ luật Hình sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

2. Một số loại tội phạm

Một số loại tội phạm hiện nay như giết người, cố ý gây thương tích, cướp tài sản, trộm cắp tài sản, mua bán trái phép chất ma túy, tổ chức đua xe trái phép, đánh bạc, tổ chức đánh bạc,...

3. Cách thức hoạt động phổ biến của các loại tội phạm

Cấu kết thành các băng nhóm, tổ chức để hoạt động.

Sử dụng vũ khí, công cụ, phương tiện trong hoạt động phạm tội.

Hoạt động mang tính lưu động trên phạm vi nhiều tỉnh, thành phố, xuyên quốc gia và có tính chất quốc tế.

Sử dụng công nghệ cao trong quá trình hoạt động phạm tội.



Hình 3.2. Các đối tượng phạm tội có sử dụng vũ khí

II. PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

1. Khái niệm tội phạm sử dụng công nghệ cao

Tội phạm sử dụng công nghệ cao là hành vi nguy hiểm cho xã hội do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện bằng việc cố ý sử dụng tri thức, kĩ năng, công cụ, phương tiện công nghệ thông tin ở trình độ cao tác động trái pháp luật đến thông tin số được lưu trữ, xử lí, truyền tải trong hệ thống máy tính, xâm phạm đến trật tự an toàn thông tin, gây tổn hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân và theo quy định của Bộ luật Hình sự phải bị xử lí hình sự.

2. Một số hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay

Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng.

Đánh bạc, tổ chức đánh bạc trên không gian mạng.

Môi giới mại dâm trên không gian mạng.

Sử dụng không gian mạng để thực hiện hành vi mua bán người, buôn bán hàng giả, hàng cấm.

Lợi dụng các quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Hình 3.3. Một số thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng



Hãy trình bày về những tội phạm sử dụng công nghệ cao khác mà em biết.

3. Quy định của pháp luật về phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao

MỘT SỐ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VÀ BỊ NGHIÊM CẤM THỰC HIỆN

Sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng, cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật.

1

Phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử.

2

Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử.

3

Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông.

4

Xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác.

5

Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

6

Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hoá trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng.

7

Sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh.

8

III. PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Khái niệm tệ nạn xã hội

Tệ nạn xã hội là hiện tượng xã hội tiêu cực, biểu hiện bằng những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức, pháp luật và gây nguy hiểm cho xã hội.

2. Một số loại tệ nạn xã hội

Tệ nạn ma túy là tình trạng một (hoặc nhiều) người sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Hình thức sử dụng ma túy chủ yếu là hút, hít, tiêm chích thuốc phiện, heroin và các loại ma túy khác.

Tệ nạn mại dâm bao gồm những hành vi nhằm thực hiện các dịch vụ quan hệ tình dục có tính chất mua bán trên cơ sở một giá trị vật chất nhất định ngoài phạm vi hôn nhân. Một số hành vi liên quan đến tệ nạn mại dâm như bán dâm, mua dâm, chứa mại dâm, tổ chức hoạt động mại dâm, cưỡng bức bán dâm, môi giới mại dâm, bảo kê mại dâm,...

Tệ nạn cờ bạc bao gồm các hành vi lợi dụng các hình thức vui chơi, giải trí để cá cược, sát phạt nhau bằng tiền hoặc hiện vật mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Tệ nạn cờ bạc thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như mua bán số lô, số đề, cá độ bóng đá,...

Tệ nạn mê tín dị đoan bao gồm các hành vi biểu hiện thái quá lòng tin mù quáng vào những điều huyền bí, không có thật, từ đó có những suy đoán khác thường, dẫn đến cách ứng xử mang tính chất cuồng tín, hành động trái với những chuẩn mực của xã hội, không phù hợp với quy luật tự nhiên. Một số hành vi mê tín, dị đoan như bói toán, đồng bóng, yểm bùa, cúng giải hạn, cúng trừ tà ma,...



Tệ nạn xã hội có thể được thực hiện và lan truyền trên mạng xã hội hay không? Vì sao?

3. Quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

Đối với tệ nạn mại dâm: Nghiêm cấm thực hiện một số hành vi: Bán dâm, mua dâm, chứa mại dâm, tổ chức hoạt động mại dâm, cưỡng bức bán dâm, môi giới mại dâm, bảo kê mại dâm,... và các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến hoạt động mại dâm.

Đối với tệ nạn cờ bạc: Nghiêm cấm thực hiện một số hành vi: Đánh bạc trái phép (mua bán số lô, số đề, cá độ bóng đá,...), tổ chức đánh bạc, gá bạc,... và các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến tệ nạn cờ bạc.

Đối với tệ nạn mê tín dị đoan: Pháp luật nghiêm cấm thực hiện một số hành vi: Hoạt động mê tín dị đoan (người thực hiện các hành vi như bói toán, đồng bóng, yểm bùa, cúng giải hạn, cúng trừ tà ma,...)⁽²⁾; hành nghề mê tín dị đoan (người thực hiện các hành vi bói toán, đồng bóng, yểm bùa, cúng giải hạn, cúng trừ tà ma,... để kiếm tiền)⁽³⁾.



Hãy kể tên các hành vi vi phạm pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội mà em biết.

IV. TRÁCH NHIỆM TRONG PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM, TỆ NẠN XÃ HỘI VÀ TỘI PHẠM SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO Ở VIỆT NAM

1. Trách nhiệm chung của công dân

Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng. Trong đó, có các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

⁽²⁾ Điểm b, khoản 4, Điều 14 và điểm đ, khoản 7, Điều 14 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực văn hoá và quảng cáo.

⁽³⁾ Điều 320 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

2. Trách nhiệm của học sinh

Học sinh cần chấp hành nghiêm trách nhiệm của công dân trong thực hiện quy định của pháp luật về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao. Ngoài ra, học sinh cần học tập và thực hiện nghiêm một số quy định sau:

- Không tham gia các tệ nạn xã hội và hoạt động phạm tội sử dụng công nghệ cao dưới bất kì hình thức nào ở nơi sống, học tập và trên không gian mạng.
- Không tham gia chia sẻ những thông tin trên không gian mạng khi chưa được kiểm chứng.
- Thường xuyên học tập, nâng cao nhận thức về phòng chống các loại tệ nạn xã hội, tội phạm nói chung và tội phạm sử dụng công nghệ cao nói riêng do nhà trường và các cơ quan, lực lượng chức năng tổ chức.
- Thực hiện các biện pháp phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội theo hướng dẫn của nhà trường, chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước.
- Tham gia tuyên truyền phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tội phạm sử dụng công nghệ cao.



Hình 3.4. Học sinh tham gia học tập nâng cao nhận thức pháp luật

LUYỆN TẬP

1. Kể tên các hành vi vi phạm pháp luật về phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.
2. Em hãy cho biết những hình thức xử lý đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.
3. Trình bày trách nhiệm của học sinh trong phòng chống tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

VẬN DỤNG

Trình bày cách giải quyết của em khi gặp các tình huống sau:

1. Em phát hiện dấu hiệu tuyên truyền văn hoá phẩm đồi trụy khi tham gia vào các nhóm trên mạng xã hội.
2. Khi em bị người khác lôi kéo tham gia tệ nạn cờ bạc, ma túy.

Em có biết?

Theo quy định tại khoản 1, Điều 321, Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), người nào đánh bạc trái phép dưới bất kì hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có thể bị phạt tiền từ 20 000 000 đồng đến 100 000 000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.



MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VI PHẠM PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- * Nêu được nội dung cơ bản, ý nghĩa của môi trường trong pháp luật bảo vệ môi trường; an ninh môi trường (đất, nước, không khí,...), vấn đề biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, thiên tai, dịch bệnh, di cư tự do,...
- * Biết cách tuyên truyền, phối hợp ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

MỞ ĐẦU

Quan sát hình 4.1 và cho biết: Hành động nào góp phần bảo vệ môi trường, hành động nào vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.



Hình 4.1

KHÁM PHÁ

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Môi trường và các vấn đề môi trường toàn cầu

a) *Môi trường và các trạng thái môi trường*

- Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên⁽¹⁾. Thành phần môi trường là yếu tố vật chất tạo thành môi trường gồm đất, nước, không khí, sinh vật, âm thanh, ánh sáng và các hình thái vật chất khác⁽²⁾.
- Môi trường có vai trò rất quan trọng đối với con người, sinh vật sống trên Trái Đất như cung cấp không gian sống; cung cấp nguồn tài nguyên để con người lao động, sản xuất; là nơi chứa đựng và phân huỷ chất thải, đồng thời lưu giữ lịch sử tiến hoá của con người và sinh vật,...

(1), (2) Khoản 1 và khoản 3, Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Các trạng thái môi trường:
- + Ô nhiễm môi trường là sự biến đổi tính chất vật lí, hoá học, sinh học của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kĩ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ con người, sinh vật và tự nhiên. Các loại ô nhiễm môi trường bao gồm ô nhiễm môi trường đất, ô nhiễm môi trường nước, ô nhiễm môi trường không khí (Hình 4.2),...
- + Suy thoái môi trường là sự suy giảm về số lượng, chất lượng của thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ con người, sinh vật và tự nhiên. Các vấn đề suy thoái môi trường hiện nay như suy thoái rừng, suy thoái đất, suy giảm đa dạng sinh học,...
- + Sự cố môi trường là sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của con người hoặc do biến đổi bất thường của tự nhiên, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường nghiêm trọng.
- Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường hay xảy ra sự cố môi trường là do các nguyên nhân từ tự nhiên (bão, lũ lụt, hạn hán, núi lửa phun trào,...) nhưng chủ yếu là do các hoạt động của con người gây ra có tác động tiêu cực đến môi trường từ quá trình sinh hoạt; sản xuất, kinh doanh, vận chuyển hàng hoá; khai thác tài nguyên, môi trường quá mức;...



Ô nhiễm môi trường không khí



Ô nhiễm môi trường nước



Ô nhiễm môi trường đất

Hình 4.2. Một số loại ô nhiễm môi trường



Theo em, môi trường bao gồm những thành phần nào? Nêu vai trò của môi trường đối với con người.

b) An ninh môi trường và các vấn đề môi trường toàn cầu

- An ninh môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên, nhân tạo cấu thành nên môi trường được cân bằng để đảm bảo điều kiện sống và phát triển của con người cùng các loài sinh vật trong hệ thống đó. Các vấn đề an ninh môi trường hiện nay đang được quan tâm là đảm bảo an ninh nguồn nước, chất lượng không khí, sử dụng hợp lí tài nguyên, bảo vệ đa dạng sinh học,...
- Các vấn đề môi trường toàn cầu:
- + *Biến đổi khí hậu* là sự thay đổi các thành phần của khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, áp suất khí quyển,...) so với trung bình hoặc dao động của khí hậu được duy trì trong một thời gian dài, thường là vài thập kỉ hoặc dài hơn. Các biểu hiện của biến đổi khí hậu là nhiệt độ trung bình trên Trái Đất tăng, hiện tượng băng tan, nước biển dâng, xâm nhập mặn, lũ lụt, hạn hán, suy giảm đa dạng sinh học,...

Các tác động của biến đổi khí hậu là một trong những nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường nghiêm trọng; gây thiệt hại đến tính mạng, sức khoẻ của con người,

thiệt hại về kinh tế, xã hội. Ngoài ra, biến đổi khí hậu còn tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến các vấn đề khác như gây mất an ninh lương thực, thiên tai (cháy rừng, lũ lụt, hạn hán,...), dịch bệnh, vấn đề di cư tự do, xung đột vũ trang,...

- + *An ninh lương thực* là việc con người có quyền tiếp cận thực phẩm một cách an toàn, đầy đủ ở mọi nơi để duy trì cuộc sống. Các vấn đề môi trường như suy thoái đất, ô nhiễm nguồn nước, không khí, suy giảm đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, gia tăng dân số,... đang tác động tiêu cực đến an ninh lương thực ở mỗi quốc gia. Do đó, việc đảm bảo an ninh lương thực đang là một trong những vấn đề mang tính toàn cầu mà mọi quốc gia trên thế giới đều rất quan tâm.
- + *Thiên tai* là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế – xã hội. Các thiệt hại do thiên tai gây ra như làm ô nhiễm, suy thoái môi trường; phá hủy các công trình xây dựng như nhà ở, hệ thống cầu đường, thủy lợi,... và ảnh hưởng đến an ninh môi trường.
- + *Dịch bệnh* là sự lây lan nhanh chóng của một bệnh truyền nhiễm với số lượng lớn những người bị nhiễm trong một cộng đồng, một khu vực hoặc toàn thế giới trong một khoảng thời gian nhất định, thường từ hai tuần trở lên. Hiện nay có nhiều loại dịch bệnh (bệnh truyền nhiễm) đã được công bố rộng rãi trên thế giới cũng như ở các quốc gia, khu vực khác nhau như cúm mùa, đậu mùa, dịch tả, dịch hạch,... Các loại dịch bệnh được công bố đều có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các vấn đề như ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường,...
- + *Di cư tự do* là hiện tượng con người rời bỏ nơi cư trú của mình đến một khu vực, địa điểm khác để sinh sống. Việc di cư tự do có thể xuất phát từ các yếu tố về tập quán du canh du cư, chiến tranh xung đột, đói nghèo,... Hiện nay, vấn đề di cư tự do còn có nguyên nhân từ những biến đổi về môi trường như các vấn đề ô nhiễm, suy thoái môi trường nghiêm trọng, các thiên tai như hạn hán, lũ lụt, nước biển dâng,... làm cho điều kiện sống của con người ở khu vực đó không đảm bảo và phải di chuyển đến khu vực, địa điểm khác để sinh sống.



Hình 4.3



Quan sát hình 4.3, em có nhận xét gì về thực trạng các vấn đề môi trường toàn cầu hiện nay?

2. Bảo vệ môi trường

a) Khái niệm

Bảo vệ môi trường là hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu⁽³⁾.

⁽³⁾ Khoản 2, Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

b) Các hoạt động bảo vệ môi trường

- Bảo vệ môi trường đất.

Khi xây dựng quy hoạch, kế hoạch, dự án và các hoạt động khác có sử dụng đất phải xem xét tác động đến môi trường đất, có giải pháp phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, bảo vệ môi trường đất.

Trách nhiệm bảo vệ môi trường đất thuộc về các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư và cá nhân sử dụng đất; xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất đối với khu vực bị ô nhiễm môi trường đất do mình gây ra.

- Bảo vệ môi trường nước (nước mặt, nước ngầm (nước dưới đất), nước biển).

Để bảo vệ môi trường nước cần kiểm soát các nguồn chất thải vào môi trường nước; xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường nước bị ô nhiễm; có biện pháp ngăn ngừa, kiểm tra, xử lý các hành vi gây ô nhiễm môi trường nước; sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn nước, nhất là nước mặt và nước ngầm,... Trách nhiệm bảo vệ môi trường nước thuộc về cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.

- Bảo vệ môi trường không khí.

Tiến hành quan trắc, giám sát thường xuyên, liên tục và công bố chất lượng môi trường không khí theo quy định của pháp luật; tình trạng ô nhiễm môi trường không khí phải được thông báo và cảnh báo kịp thời, nhằm giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến sức khỏe cộng đồng.

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ có phát thải bụi, khí thải tác động xấu đến môi trường phải có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên.

Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên là một nội dung của quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh. Trách nhiệm bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên thuộc về các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.

II. PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường

a) Một số hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ môi trường

Vận chuyển, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường.

Phát tán, thải ra môi trường chất độc hại, virus độc hại có khả năng lây nhiễm cho con người, động vật, vi sinh vật chưa được kiểm định, xác súc vật chết do dịch bệnh và tác nhân độc hại khác đối với sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên.

Gây tiếng ồn, độ rung vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường; xả thải khói, bụi, khí có mùi độc hại vào không khí.

Không thực hiện công trình, biện pháp, hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Che giấu hành vi gây ô nhiễm môi trường, cản trở, làm sai lệch thông tin, gian dối trong hoạt động bảo vệ môi trường dẫn đến hậu quả xấu đối với môi trường.

Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gây nguy hại cho sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên; sản xuất, sử dụng nguyên liệu, vật liệu xây dựng chứa yếu tố độc hại vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên.

Phá hoại, xâm chiếm công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường.

b) Xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Cá nhân hoặc tổ chức vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Xử lý hình sự đối với tội phạm về môi trường được quy định trong Bộ luật Hình sự.

Xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

c) Một số biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường

Thực hiện tốt các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

Không thực hiện hoặc tham gia thực hiện hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

Tích cực tham gia phòng, chống các vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.



- Nếu các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường.
- Cá nhân hoặc tổ chức vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường bị xử lý như thế nào?

2. Trách nhiệm bảo vệ môi trường

a) Trách nhiệm của công dân

Bảo vệ môi trường Trái Đất là trách nhiệm của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ, các tổ chức và mọi công dân sống trên Trái Đất mà không phân biệt chế độ chính trị, tôn giáo, dân tộc hay vị trí địa lý (Hình 4.4). Theo đó, công dân có trách nhiệm:

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường; chủ động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thiên tai, dịch bệnh; tham gia các hoạt động thích ứng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu.
- Chủ động phát hiện, tố giác các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phối hợp cung cấp các thông tin cho cơ quan chức năng trong việc phát hiện, ngăn chặn điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.



Hình 4.4. Chung tay bảo vệ môi trường Trái Đất

b) Trách nhiệm của học sinh

- gương mẫu thực hiện nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ môi trường.
- Tham gia tích cực vào các hoạt động bảo vệ môi trường do nhà trường, nơi cư trú (khu dân cư, tổ dân phố,...) hoặc các tổ chức đoàn thể khác phát động.
- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên, tích cực tuyên truyền, vận động người thân, gia đình và cộng đồng thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.
- Phản ánh, thông tin với thầy, cô giáo, nhà trường và cơ quan chức năng biết các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường để có biện pháp phòng, chống phù hợp.



Hình 4.5. Các bạn học sinh đang quét dọn vệ sinh



Là học sinh trong nhà trường, em cần làm những công việc gì để bảo vệ môi trường?

LUYỆN TẬP

1. Liệt kê các biểu hiện của biến đổi khí hậu ở Việt Nam hiện nay.
2. Em hiểu thế nào là chất thải? Theo em, có những loại chất thải nào?
3. Nêu các nguyên nhân của vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay. Theo em, nguyên nhân nào là chủ yếu? Vì sao?

VẬN DỤNG

1. Từ vấn đề ô nhiễm môi trường hoặc suy thoái môi trường tại khu dân cư (tổ dân phố) nơi sinh sống, em hãy tìm kiếm, thu thập các hình ảnh, bài viết, video phản ánh, minh họa về vấn đề đó.
2. Em hãy lựa chọn, xây dựng một ý tưởng tuyên truyền về bảo vệ môi trường và cùng các bạn trong lớp (nhóm) thực hiện theo ý tưởng tuyên truyền đó.



Kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- * Nêu được những kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân, phương thức tiến công, sự phá hoại của kẻ thù bằng đường không;
- * Biết cách phòng, tránh khi bị kẻ thù tiến công bằng đường không.

MỞ ĐẦU

Tháng 12/1972, Mỹ sử dụng máy bay B-52 đánh phá mãnh liệt vào Hà Nội (Hình 5.1). Khi đó, người dân thường nghe thấy trên loa truyền thanh phát ra thông báo: "... máy bay địch cách Hà Nội 70 km, đồng bào chú ý! Máy bay địch cách Hà Nội 50 km...".

Theo em, khi nghe thấy thông báo trên, người dân sẽ làm gì?



Hình 5.1. Máy bay B-52 của Mỹ đánh phá Hà Nội (12/1972)

KHÁM PHÁ

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

1. Một số khái niệm

a) Phòng không nhân dân

Phòng không nhân dân là tổng thể các hoạt động và biện pháp phòng không để bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, giảm bớt thiệt hại cho nền kinh tế quốc dân, góp phần bảo tồn tiềm lực chiến tranh⁽¹⁾.

b) Thế trận phòng không nhân dân

Thế trận phòng không nhân dân là tổng thể các yếu tố, các lợi thế về địa hình, lực lượng, bố trí trang thiết bị phòng không để tiến hành các hoạt động tác chiến phòng không, phù hợp với kế hoạch tác chiến của khu vực phòng thủ⁽²⁾.

c) Địa bàn phòng không nhân dân

Địa bàn phòng không nhân dân được xác định là các huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh hoặc những vị trí trọng yếu nằm trong hệ thống phòng thủ của cấp tỉnh và quân khu⁽³⁾.



Thế nào là phòng không nhân dân, thế trận phòng không nhân dân, địa bàn phòng không nhân dân?

⁽¹⁾ Từ điển thuật ngữ quân sự, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân năm 2007.

^{(2), (3)} Điều 3, Nghị định số 74/2015/NĐ-CP ngày 09/09/2015 của Chính phủ về phòng không nhân dân.

2. Vị trí, chức năng và nguyên tắc tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân

a) Vị trí, chức năng

Phòng không nhân dân là một nội dung quan trọng của công tác quốc phòng, quân sự; được xây dựng, hoạt động trong khu vực phòng thủ, là một bộ phận của thể trận quốc phòng toàn dân trên mặt trận đối không nhằm thực hiện phòng, tránh, đánh trả và khắc phục hậu quả các hành động xâm nhập, tiến công đường không của địch; bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng và tài sản của nhân dân, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

b) Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, được tổ chức, điều hành tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

Tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân do hệ thống chính trị, toàn dân và lực lượng vũ trang thực hiện, trong đó bộ đội địa phương và dân quân tự vệ làm nòng cốt.

Công tác phòng không nhân dân được chuẩn bị từ thời bình và triển khai thực hiện khi có biểu hiện, hành động xâm nhập, tiến công đường không của địch.



Cho biết vị trí, chức năng và nguyên tắc tổ chức, hoạt động của phòng không nhân dân.

3. Tổ chức lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân

Lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân được tổ chức thành các tổ (đội) từ lực lượng của các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang địa phương và toàn dân tham gia, trong đó lực lượng dân quân tự vệ và bộ đội địa phương là nòng cốt thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân.



Em hãy nêu những lực lượng chuyên môn của phòng không nhân dân.



II. MỤC TIÊU, THỦ ĐOẠN TIẾN CÔNG ĐƯỜNG KHÔNG CỦA ĐỊCH

1. Mục tiêu

Khi tấn công đường không, địch thường tập trung đánh phá vào các mục tiêu sau:

- Trụ sở các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và Chính phủ.
- Bộ chỉ huy tác chiến chiến lược, chiến dịch.
- Đài phát thanh, truyền hình, trung tâm thông tin viễn thông.
- Khu công nghiệp quốc phòng và công nghiệp lớn, các nhà máy, đầu mối giao thông, sân bay, bến cảng, kho tàng, cơ sở hậu cần, kĩ thuật.
- Lực lượng phòng không, không quân, hải quân, các khu vực tập trung quân và binh khí, trang bị của ta.

2. Thủ đoạn

Tăng cường hoạt động tình báo, trinh sát; bí mật, bất ngờ thời điểm mở đầu tiến công.

Tiến công từ nhiều hướng, tiến hành đánh phá đồng loạt, liên tục, ác liệt cả ngày và đêm, tập trung lực lượng, phương tiện vào các chiến dịch tiến công hỏa lực đường không.

Giành và giữ quyền làm chủ trên không, trên biển; tiêu diệt, phá hủy tiềm lực quốc phòng của ta.

Phối hợp với chiến tranh tâm lý và các hoạt động khác.



Địch thường tập trung đánh phá đường không vào những mục tiêu nào? Thủ đoạn ra sao?

III. HOẠT ĐỘNG PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

1. Hoạt động phòng không nhân dân thời bình

a) Thành lập ban chỉ đạo và xây dựng kế hoạch, đề án, dự án phòng không nhân dân

Ban chỉ đạo phòng không nhân dân được tổ chức thành lập ở bốn cấp: Cấp Trung ương; cấp quân khu; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh); huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) thuộc địa bàn trọng điểm phòng không nhân dân.

Kế hoạch phòng không nhân dân được xây dựng từ thời bình ở cấp quân khu, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và kịp thời điều chỉnh, bổ sung khi tình hình thay đổi.

Xây dựng quy hoạch các đề án, dự án đảm bảo tiêu chuẩn an toàn về phòng không nhân dân và phòng thủ dân sự.

b) Tuyên truyền, giáo dục về phòng không nhân dân

Tuyên truyền, giáo dục về công tác phòng không nhân dân cho tất cả các đối tượng, tầng lớp nhân dân, nhất là học sinh, sinh viên trong các nhà trường. Tập trung vào các nội dung: Thủ đoạn đánh phá và phương tiện tiến công đường không của địch; tín hiệu thông báo, báo động phòng không nhân dân; quy cách hầm, hố cho cá nhân và tập thể; biện pháp nguy trang, phòng tránh, sơ tán; phương pháp xử trí tình huống cứu thương, cứu sập, chữa cháy và phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn.



Hình 5.2. Những hình ảnh tư liệu được trưng bày triển lãm kỉ niệm chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” (2020)

c) Tổ chức huấn luyện, diễn tập phòng không nhân dân

Tổ chức huấn luyện nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu cho các lực lượng tham gia công tác phòng không nhân dân được tiến hành cả ban ngày và ban đêm, chú trọng huấn luyện đêm. Nội dung huấn luyện tập trung vào tính năng, kĩ, chiến thuật của các loại vũ khí, phương tiện tiến công đường không của kẻ thù; phương pháp, cách thức xây dựng

hệ thống hầm, hào, công trình phòng tránh, sơ tán; biện pháp chống trinh sát, tác chiến điện tử của kẻ thù, cách đánh máy bay bay thấp, tên lửa hành trình, đánh máy bay trực thăng đổ bộ đường không, đánh máy bay đến cứu giặc lái; các biện pháp, phương pháp khắc phục hậu quả, khôi phục sức chiến đấu.

Tổ chức diễn tập phòng không nhân dân có thể theo hình thức diễn tập phòng không nhân dân hoặc diễn tập phòng không nhân dân kết hợp với diễn tập khu vực phòng thủ của các địa phương. Nội dung diễn tập phòng không nhân dân gồm diễn tập chỉ huy – tham mưu các cấp; tổ chức trinh sát, thông báo, báo động phòng không; tổ chức nguy trang, sơ tán, phân tán, phòng tránh; tổ chức đánh trả địch xâm nhập tiến công đường không; tổ chức khắc phục hậu quả.

d) Xây dựng công trình phòng không nhân dân

- Xây dựng hệ thống các đài quan sát, thông báo, báo động phòng không nhân dân, nhằm sẵn sàng phát hiện máy bay địch từ xa; kịp thời thông báo phòng không nhân dân trong khu vực bằng hệ thống loa, còi, kèn,...
- Xây dựng công trình phòng tránh, trú ẩn (hầm, hào, công sự phòng tránh,...) cho tập thể, cá nhân tại nhà, nơi làm việc, nơi công cộng, trên đường đi,... Chú trọng những nơi tập trung, sinh hoạt đông người như trường học, bệnh viện, chợ, nhà ga, sân bay, bến cảng. Vận dụng sáng tạo nhiều biện pháp phòng tránh như mũ rơm, áo rơm; sử dụng các vật liệu tre, nứa để che, đậy, bảo vệ vũ khí, phương tiện sản xuất,...
- Xây dựng vị trí sơ tán, phân tán; công trình nguy trang, nghi binh nhằm bảo đảm bí mật, phòng, tránh sự đánh phá của địch.
- Xây dựng hệ thống các trận địa phòng không đánh địch tiến công hỏa lực đường không, có trận địa chính thức và trận địa dự bị.



Hình 5.3. Trận địa pháo phòng không trong diễn tập khu vực phòng thủ - Hưng Yên (2022)



Hình 5.4 (a, b). Đào hào và đan mũ rơm phòng, tránh địch đánh bom trong kháng chiến chống Mỹ (1972)



Trình bày các nội dung của hoạt động phòng không nhân dân thời bình.

2. Hoạt động phòng không nhân dân thời chiến

Thực hiện đầy đủ các nội dung tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân thời bình và tập trung vào các nội dung sau:

a) Tổ chức trinh sát, quan sát và thông báo, báo động phòng không nhân dân

Các vọng quan sát phòng không (trên đỉnh núi, nhà cao tầng,...) thường xuyên quan sát, nhằm phát hiện địch tiến công từ sớm, từ xa; kịp thời thông báo, báo động về hướng đánh phá, số lượng, phương tiện,... tiến công đường không của địch. Chủ động thông báo, báo động kịp thời,

rộng khắp bằng hệ thống đài phát thanh, truyền thanh, còi điện, kèn, loa,... được bố trí trên khắp các đường phố, khu công cộng; đường làng, ngõ xóm; các nhà máy, công trình.

Khi nghe thông báo, báo động địch tiến công đường không, mọi người nhanh chóng ẩn nấp để bảo đảm an toàn, hạn chế tổn thất khi địch đánh phá.

b) Tổ chức sơ tán, phân tán phòng, tránh tiến công đường không của địch

Sơ tán, phân tán thời gian dài đến khi tình hình ổn định: Thực hiện đối với trẻ em, người già yếu, phụ nữ mang thai ở vùng trọng điểm phòng không, những người không nhất thiết phải ở lại. Các cơ quan, nhà máy, doanh nghiệp dời đi nhưng vẫn đảm bảo hoạt động bình thường.

Sơ tán, phân tán trong tình huống khẩn cấp: Thực hiện đối với các khu vực có nguy cơ địch tập trung đánh phá; người, phương tiện của các nhà máy, doanh nghiệp phải sơ tán, tiếp tục sản xuất để bảo đảm cho nhu cầu quốc phòng và nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân.

Sơ tán, phân tán tại chỗ: Áp dụng đối với lực lượng bám trụ ở những địa bàn trọng điểm về phòng không nhân dân để sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ đánh trả và khắc phục hậu quả do địch tiến công hoá lực đường không gây nên.

c) Tổ chức đánh địch tiến công đường không

Tổ chức toàn dân tham gia đánh địch trên không, trong đó các đơn vị súng máy phòng không các cấp (phòng không bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, bộ đội biên phòng,...) kết hợp với các tổ bắn máy bay bay thấp bằng súng bộ binh ở các làng, xã, nhà máy, công trình tạo nên lưới lửa phòng không dày đặc.

Khi máy bay bị bắn rơi hoặc giặc lái nhảy dù, lập tức phát tín hiệu vây bắt giặc lái bằng các phương tiện sẵn có (gỗ mồi, gỗ kền,...); mọi người dân đều tham gia vây bắt giặc lái.



Hình 5.5. Học sinh nhanh chóng vào hầm tránh bom khi có báo động phòng không



Hình 5.6. Phụ nữ, trẻ em và người già tạm thời rời Thủ đô đi sơ tán trong những ngày máy bay Mỹ đánh phá ác liệt, cuối tháng 12/1972



Hình 5.7. Lực lượng pháo phòng không nổ súng quyết liệt đánh trả máy bay giặc Mỹ, bảo vệ Hà Nội (12/1972)

d) Tổ chức khắc phục hậu quả và những thiệt hại do địch tiến công đường không

Tổ chức cứu sập: Cứu sập được tổ chức ở từng nhà máy, cơ quan, khu phố; lấy lực lượng dân quân tự vệ làm nòng cốt và phân làm hai loại là lực lượng cứu sập tại chỗ và lực lượng cơ động.

Tổ chức cứu thương: Cứu thương lấy lực lượng y tế làm nòng cốt, chia ra thành các tuyến: tuyến sơ cứu tại chỗ; tuyến cấp cứu ban đầu tại trạm xá, bệnh xá; tuyến bệnh viện huyện (quận); tuyến bệnh viện tỉnh, thành phố và Trung ương.

Tổ chức chữa cháy: Chữa cháy lấy lực lượng phòng cháy chữa cháy làm nòng cốt kết hợp với lực lượng dân quân tự vệ và quần chúng ở cơ sở.

Ổn định đời sống: Ban chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp chủ động công tác khắc phục hậu quả; phát huy tinh thần tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau; tổ chức hỗ trợ, giúp đỡ nhân dân khu vực bị đánh phá sửa chữa nhà cửa, bố trí nơi ở tạm thời,... nhằm nhanh chóng khắc phục hậu quả, ổn định đời sống nhân dân.



Trình bày nội dung hoạt động phòng không nhân dân thời chiến.

IV. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

1. Trách nhiệm của công dân

Thực hiện nghiêm kế hoạch phòng không nhân dân của ban chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp; các văn bản pháp luật về phòng không nhân dân ở địa phương.

Tham gia huấn luyện, diễn tập và thực hiện các nhiệm vụ phòng không nhân dân theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quân sự địa phương khi được huy động.

Tích cực tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hiểu biết về phòng không nhân dân.

Cùng với chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác chính sách, quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ những người bị ốm, tai nạn, bị thương, hi sinh,... khi tham gia lực lượng phòng không nhân dân.

2. Trách nhiệm của học sinh

Thường xuyên học tập nâng cao nhận thức về vị trí, chức năng và nội dung hoạt động của phòng không nhân dân.

Thực hiện nghiêm các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, nhà trường về công tác phòng không nhân dân.

Cùng với nhà trường tham gia xây dựng hầm, hào trú ẩn, đan mũ rơm,... đảm bảo an toàn cho giáo viên và học sinh trong nhà trường.

Em có biết?

Dân quân bê gậy “cánh cụp, cánh xoe”

Trung đội dân quân xã Tiền Châu, huyện Yên Lăng, tỉnh Vĩnh Phú (nay là Thị trấn Tiền Châu, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) được trang bị 1 khẩu súng máy 12,7 mm, 3 khẩu súng đại liên và một số súng trường do đồng chí Nguyễn Đình Cán chỉ huy, có nhiệm vụ quan sát, phát hiện, báo động và kiên quyết đánh trả máy bay địch. Ngày 17/10/1972, khi phát hiện 2 máy bay địch lao về phía trận địa của trung đội, đồng chí Cán đã chỉ huy phân đội đồng loạt nổ súng khi máy bay địch bay qua trận địa. Chiếc máy bay F-111 “cánh cụp, cánh xoe” của giặc bốc khói, chao đảo rồi đâm đầu xuống khu vực cánh đồng Đàm Quận, xã Tiền Châu, cách vị trí trận địa của trung đội khoảng hơn 1 km, gây nên một tiếng nổ lớn, lửa bốc cao ngùn ngụt. Bằng vũ khí ít hiện đại, lực lượng dân quân tự vệ có tổ chức tốt, sẵn sàng chiến đấu cao đã bắn rơi máy bay hiện đại của Mỹ.

Theo Báo Quân đội nhân dân,
ngày 23/12/2022.

Thực hiện kế hoạch sơ tán, phân tán của nhà trường và tham gia học tập đầy đủ tại nơi sơ tán; tin hiệu thông báo, báo động về phòng không nhân dân.

Tham gia khắc phục hậu quả, thiệt hại do địch đánh phá, nhanh chóng ổn định tình hình học tập.



Nêu trách nhiệm của công dân và học sinh trong thực hiện phòng không nhân dân.

LUYỆN TẬP

- Em không đồng ý với những ý kiến nào dưới đây? Vì sao?
 - Phòng không nhân dân chỉ có ý nghĩa và được tổ chức thực hiện trong thời chiến.
 - Phòng không nhân dân nhằm bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng và tài sản của nhân dân.
 - Thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân lấy bộ đội Phòng không – Không quân làm nòng cốt.
 - Địa bàn phòng không nhân dân chỉ được xác định ở những vị trí trọng yếu trong hệ thống phòng thủ cấp tỉnh.
- Sau khi được tuyên truyền về phòng không nhân dân, các bạn trong lớp tranh luận về mục tiêu, thủ đoạn tiến công đường không của địch và có một số ý kiến như sau:

Ý kiến 1: Địch tiến công đường không chủ yếu vào các mục tiêu quân sự, nhằm tiêu diệt và phá hủy phương tiện chiến đấu của ta.

Ý kiến 2: Hoả lực phòng không của địch tập trung đánh phá vào các cơ quan của Đảng và Nhà nước.

Ý kiến 3: Địch sẽ giành quyền làm chủ trên biển và tiến công hoả lực đường không vào đất liền.

Em đồng ý với ý kiến nào ở trên? Vì sao?

- Có quan điểm cho rằng: Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện phòng không nhân dân chỉ dành cho bộ đội và dân quân tự vệ.

Ý kiến của em về quan điểm đó như thế nào?

- Để phòng, tránh tiến công đường không của địch cần tổ chức sơ tán, phân tán như thế nào?

VẬN DỤNG

- Hãy sưu tầm những câu chuyện về đơn vị, cá nhân bắn rơi máy bay, bắt sống giặc lái trong chiến tranh chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta và chia sẻ với các bạn.
- Khi có thông báo, báo động (bằng loa, kèn, keng,...) về máy bay địch ném bom, em sẽ hành động như thế nào?
- Hãy kể những nơi có thể phòng, tránh địch tiến công bằng đường không ở địa phương em.



GIỚI THIỆU MỘT SỐ LOẠI SÚNG BỘ BINH, THUỐC NỔ, VẬT CẢN VÀ VŨ KHÍ TỰ TẠO

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- * Nhận biết, phân loại được một số loại súng bộ binh, một số loại thuốc nổ, vật cản, vũ khí tự tạo;
- * Nêu được tính năng, tác dụng của một số loại thuốc nổ thường dùng; cấu tạo, tác dụng của các loại đồ dùng gây nổ; tính năng, cấu tạo, tác dụng của một số loại vật cản và vũ khí tự tạo;
- * Nêu được tính năng, cấu tạo, nguyên lý hoạt động và nguyên tắc tháo, lắp súng tiểu liên AK và biết thực hành tháo, lắp súng tiểu liên AK.

MỞ ĐẦU

Kể tên một số loại súng được sử dụng trong quân đội mà em biết.

KHÁM PHÁ

I. SÚNG BỘ BINH

1. Hiểu biết chung về súng bộ binh

a) Khái niệm

Súng bộ binh là súng trang bị cho cá nhân và phân đội bộ binh⁽¹⁾.

b) Một số loại súng bộ binh

- Súng tiểu liên AK (Hình 6.1a).

Súng tiểu liên AK cỡ 7,62 mm là loại súng nòng dài, tự động nạp đạn, trang bị cho từng người, dùng hỏa lực để tiêu diệt sinh lực địch; ngoài ra, có thể sử dụng lưỡi lê, báng súng để đánh gần. Súng bắn được liên thanh và phát một.

Súng tiểu liên AK cải tiến có 2 loại: AKM có thêm bộ phận giảm nảy lắp ở đầu súng; có lẫy giảm tốc; thước ngắm có vạch khắc từ 1 đến 10, tương ứng với cự li bắn từ 100 m đến 1000 m ngoài thực địa; AKMS có báng bằng sắt, gấp lại được.

- Súng trung liên RPD (Hình 6.1b)

Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm là loại súng nòng dài, tự động nạp đạn, trang bị cho một người sử dụng. Đây là hỏa lực mạnh của tiểu đội bộ binh, dùng để tiêu diệt sinh lực địch tập trung; những mục tiêu lẻ, quan trọng hoặc hỏa điểm của địch; chi viện cho bộ binh xung phong. Súng chỉ bắn được liên thanh.



Súng tiểu liên AK



Súng trung liên RPD

Hình 6.1. Một số loại súng bộ binh



Súng bộ binh là gì?

⁽¹⁾ Từ điển thuật ngữ quân sự, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân năm 2007.

2. Tính năng, cấu tạo, nguyên lí hoạt động của súng tiểu liên AK

a) Tính năng

Súng dùng đạn kiểu 1943 do Liên Xô sản xuất; đạn kiểu 1956 do Trung Quốc, Việt Nam và một số nước khác sản xuất. Có các loại đầu đạn: đầu đạn thường, đầu đạn vạch đường, đầu đạn xuyên cháy và đầu đạn cháy. Hộp tiếp đạn chứa được 30 viên đạn.

Tầm bắn ghi trên thước ngắm: Thước ngắm ghi số từ 1 đến 8, tương ứng với cự li bắn từ 100 m đến 800 m ngoài thực địa.

Tầm bắn hiệu quả: 400 m; hoà lực bắn tập trung tiêu diệt mục tiêu mặt đất, mặt nước: 800 m; bắn máy bay, quân dù: 500 m.

Tầm bắn thẳng đối với mục tiêu người nằm: 350 m; đối với mục tiêu người chạy: 525 m.

Tốc độ đầu của đầu đạn: 710 m/s.

Tốc độ bắn: lí thuyết 600 phát/phút; chiến đấu: khi bắn phát một khoảng 40 phát/phút, khi bắn liên thanh khoảng 100 phát/phút.

Khối lượng của súng: 3,8 kg; khi lắp đủ 30 viên đạn: 4,3 kg.



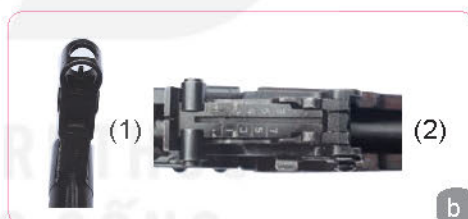
Em hãy cho biết tính năng của súng tiểu liên AK.

b) Cấu tạo

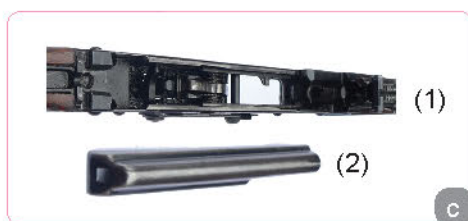
Cấu tạo của súng tiểu liên AK gồm 11 bộ phận chính: Nòng súng, bộ phận ngắm, hộp khoá nòng và nắp hộp khoá nòng, bộ phận cò, bộ phận đẩy về, ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay, báng súng và tay cầm, hộp tiếp đạn, lê (Hình 6.2).



Nòng súng



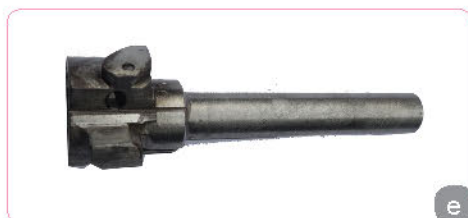
Bộ phận ngắm: Đầu ngắm (1) và thước ngắm (2)



Hộp khoá nòng (1) và nắp hộp khoá nòng (2)



Bộ phận đẩy về và thoi đẩy



Khoá nòng



Bộ phận cò



Bộ phận đẩy về



Ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay trên (1);
ốp lót tay dưới (2)



Báng súng (1) và tay cầm (2)



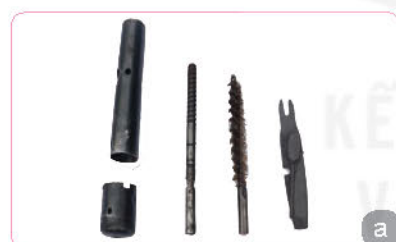
Hộp tiếp đạn



Lưỡi

Hình 6.2. Các bộ phận chính của súng tiểu liên AK

Ngoài các bộ phận chính, súng tiểu liên AK còn có đồng bộ của súng như phụ tùng (ống đựng, cái vặn vít, chổi lông, tổng chốt,...), thông nòng và dây súng (Hình 6.3).



Phụ tùng



Thông nòng



Dây súng

Hình 6.3. Đồng bộ của súng tiểu liên AK

? Súng tiểu liên AK có cấu tạo gồm mấy bộ phận chính? Đó là những bộ phận nào?

c) Nguyên lí hoạt động

Gạt cần định cách bắn về vị trí bắn, kéo tay kéo bộ khoá nòng về sau hết cỡ. Khi thả tay kéo bộ khoá nòng, lò xo đẩy về giãn ra, đẩy bộ khoá nòng và khoá nòng tiến về phía trước, đẩy viên đạn thứ nhất vào buồng đạn.

Bóp cò, búa đập vào kim hoả, kim hoả chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy thuốc phóng. Thuốc phóng cháy sinh ra khí thuốc có áp suất rất lớn, đẩy đầu đạn chuyển động trong nòng súng.

Khi đầu đạn chuyển động qua lỗ trích khí thuốc, một phần khí thuốc phụt qua lỗ trích khí thuốc đập vào mặt thoi đẩy, đẩy bộ khoá nòng và khoá nòng lùi, vỏ đạn được hất ra ngoài.

Khi bệ khoá nòng lùi hết cỡ, lò xo đẩy về giãn ra, đẩy bệ khoá nòng và khoá nòng tiến về phía trước, đẩy viên đạn tiếp theo vào buồng đạn. Mọi hoạt động của súng cứ lặp đi, lặp lại như vậy cho đến khi hết đạn.



Nêu nguyên lí hoạt động của súng tiểu liên AK.

3. Tháo, lắp thông thường súng tiểu liên AK

a) Quy tắc tháo, lắp

Người tháo, lắp phải nắm vững cấu tạo của súng.

Chọn nơi khô ráo, sạch sẽ để tháo, lắp súng. Chuẩn bị đầy đủ các vật chất cần thiết như bàn (vải bạt, chiếu, ni-lông) và phụ tùng của súng.

Trước khi tháo súng phải kiểm tra, khám súng.

Khi tháo, lắp phải dùng đúng phụ tùng; động tác phải đúng thứ tự, nhẹ nhàng. Khi gặp vướng mắc phải nghiên cứu thận trọng, không dùng sức mạnh để đập, bẫy làm hư hỏng súng.

b) Tháo súng

- Bước 1: Tháo hộp tiếp đạn, kiểm tra súng

Tay trái nắm ốp lót tay, giữ súng dựng đứng trên bàn (vải bạt, chiếu hoặc ni-lông), mặt súng quay sang trái, miệng nòng súng hướng lên trên. Tay phải nắm hộp tiếp đạn, ngón tay cái ấn lấy giữ hộp tiếp đạn; đồng thời, đẩy hộp tiếp đạn lên, lấy ra, đặt xuống bàn (Hình 6.4a).



Mở khoá an toàn về vị trí bắn, tay phải nắm tay kéo bệ khoá nòng, hơi kéo bệ khoá nòng về sau, mắt quan sát buồng đạn. Nếu trong súng có đạn phải lấy ra, sau đó kéo bệ khoá nòng hết cỡ về sau, rồi thả ra, không bóp cò, không đóng khoá an toàn.

- Bước 2: Tháo ống đựng phụ tùng

Tay trái giữ súng như cũ, nhấc súng lên khỏi mặt bàn (để báng súng cách mặt bàn từ 15 đến 20 cm). Tay phải dùng ngón trỏ ấn nắp ổ chứa ống đựng phụ tùng rồi thả ra, lò xo đẩy ống đựng phụ tùng ra ngoài, tay phải cầm ống đựng phụ tùng (Hình 6.4b). Đặt súng xuống bàn, kết hợp hai tay mở nắp ống đựng phụ tùng, lấy các phụ tùng ra ngoài đặt lên bàn.



- Bước 3: Tháo thông nòng

Tay trái giữ súng như khi tháo hộp tiếp đạn. Tay phải cầm đuôi thông nòng kéo sang phải, rút lên và lấy ra (trường hợp thông nòng chặt quá, dùng tổng chốt cắm vào lỗ ngang ở đuôi thông nòng để rút lên) (Hình 6.4c).



Hình 6.4. Tháo súng tiểu liên AK

- Bước 4: Tháo nắp hộp khoá nòng

Súng đặt trên bàn, nòng súng hướng về trước, mặt súng hướng lên trên. Tay trái nắm cổ báng súng, ngón cái ấn mấu giữ nắp hộp khoá nòng cho mấu thụt vào trong, tay phải nắm nắp hộp khoá nòng nhấc ra khỏi súng (Hình 6.4d).

- Bước 5: Tháo bộ phận đẩy về

Tay trái giữ súng như cũ. Tay phải cầm đuôi cốt lò xo, đẩy về trước cho chân đuôi cốt lò xo rời khỏi rãnh dọc hộp trên khoá nòng, rồi nâng lên, lấy bộ phận đẩy về ra (Hình 6.4e).

- Bước 6: Tháo bộ khoá nòng và khoá nòng

Tay trái giữ súng như cũ. Tay phải nắm bộ khoá nòng kéo về sau hết cỡ rồi nhấc lên, tháo ra khỏi hộp khoá nòng (Hình 6.4g).

Đặt súng xuống bàn, tay trái nắm ngửa bộ khoá nòng, tay phải xoay khoá nòng sang trái về phía sau, để mấu đóng mở của khoá nòng rời khỏi rãnh lượn của bộ khoá nòng, rồi tháo khoá nòng ra khỏi bộ khoá nòng (Hình 6.4h).

- Bước 7: Tháo ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay trên

Tay trái nắm hộp khoá nòng, tay phải dùng ngón trỏ hoặc ống đựng phụ tùng xoay lấy giữ ống dẫn thoi đẩy lên trên, sao cho mặt bằng của lẫy thẳng với mặt cắt sau ốp lót tay, rồi lấy ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay trên ra khỏi súng (Hình 6.4i).

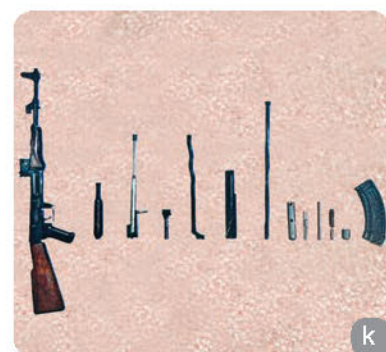
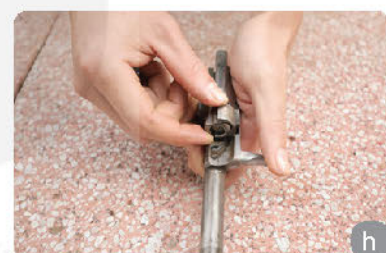
Chú ý: Khi tháo súng, các bộ phận tháo ra được đặt theo thứ tự từ phải qua trái (Hình 6.4k).

c) Lắp súng

Thứ tự các bước làm ngược lại khi tháo (Bộ phận nào tháo ra sau thì lắp vào trước).

- Bước 1: Lắp ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay trên

Tay trái nắm hộp khoá nòng giữ súng như khi tháo. Tay phải cầm ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay trên, lắp đầu ống dẫn thoi đẩy khớp vào khuyết ở khâu truyền khí thuốc, rồi ấn xuống, gạt lẫy giữ ống dẫn thoi đẩy xuống hết mức.



Hình 6.4. Tháo súng tiểu liên AK

- Bước 2: Lắp bệ khoá nòng và khoá nòng

Lắp khoá nòng vào bệ khoá nòng: Tay trái cầm ngửa bệ khoá nòng, tay phải lắp đuôi khoá nòng vào lỗ chứa, rồi xoay khoá nòng từ sau sang phải về trước.

Lắp bệ khoá nòng và khoá nòng vào súng: Tay trái trao bệ khoá nòng và khoá nòng cho tay phải. Tay phải cầm ngửa bệ khoá nòng, ngón cái tì vào tai trái khoá nòng để khoá nòng ở vị trí phía trước hết cỡ, sau đó lật úp bệ khoá nòng. Tay trái ngửa nắm cổ báng súng, tay phải đưa đầu thoi đẩy vào lỗ chứa thoi đẩy, đặt bệ khoá nòng vào sát phía sau hộp khoá nòng, rồi ấn xuống sao cho hai rãnh trượt ở bệ khoá nòng khớp vào hai gờ trượt ở hộp khoá nòng, đẩy bệ khoá nòng và khoá nòng về trước hết cỡ.

- Bước 3: Lắp bộ phận đẩy về

Tay trái giữ súng như khi tháo, tay phải cầm đuôi cốt lò xo đẩy về, lắp đầu bộ phận đẩy về vào lỗ chứa ở bệ khoá nòng, ấn về trước, lựa sao cho chân đuôi cốt lò xo đẩy về khớp vào rãnh dọc ở hộp khoá nòng.

- Bước 4: Lắp nắp hộp khoá nòng, kiểm tra chuyển động

Tay trái giữ súng như khi tháo, tay phải cầm nắp hộp khoá nòng, lựa cho đầu nắp hộp khoá nòng lọt vào khuyết giữ ở sau bệ thước ngắm, dùng lòng bàn tay phải ấn nắp hộp khoá nòng xuống, sao cho mấu giữ nắp hộp khoá nòng lọt vào lỗ chứa ở đuôi nắp hộp khoá nòng.

Kiểm tra chuyển động: Tay trái nắm ốp lót tay trên, nòng súng hướng lên trên. Tay phải cầm tay kéo bệ khoá nòng kéo về sau hết cỡ rồi thả ra, làm 2 hoặc 3 lần, thấy bệ khoá nòng và khoá nòng chuyển động bình thường, sau đó bóp cò búa đập mạnh là được. Gạt cần định cách bắn và khoá an toàn về vị trí an toàn.

- Bước 5: Lắp thông nòng

Tay trái nắm ốp lót tay, giữ súng như khi tháo, tay phải cầm đuôi thông nòng, lắp đầu thông nòng lọt vào lỗ chứa dưới khâu truyền khí thuốc và khâu giữ ốp lót tay dưới; hơi kéo đuôi thông nòng sang phải và ấn xuống hết cỡ.

- Bước 6: Lắp ống đựng phụ tùng

Tay trái cầm ống đựng phụ tùng, tay phải lắp các phụ tùng vào ống đựng, đóng nắp lại. Tay trái nắm ốp lót tay, nâng súng lên cách mặt bàn từ 15 đến 20 cm. Tay phải đặt đầu ống đựng phụ tùng vào ổ chứa, dùng ngón trỏ đẩy ống vào hết mức, rút ngón tay ra, nắp giữ ống đựng phụ tùng tự động đóng lại.

- Bước 7: Lắp hộp tiếp đạn

Tay trái giữ súng như khi tháo, tay phải cầm hộp tiếp đạn lắp mấu trước của hộp tiếp đạn khớp vào khuyết chứa ở hộp khoá nòng, ấn cho mấu sau của hộp tiếp đạn khớp vào lẫy giữ ở trước vành cò.



Tháo, lắp súng tiểu liên AK gồm mấy bước? Đó là những bước nào?

II. THUỐC NỔ, VẬT CẢN VÀ VŨ KHÍ TỰ TẠO

1. Thuốc nổ

a) Khái niệm

Thuốc nổ là chế phẩm của chất nổ mà khi chịu tác động của những xung kích thích từ bên ngoài đủ mạnh thì thường nổ (mà ít cháy)⁽²⁾.

b) Một số loại thuốc nổ thường dùng

– Thuốc nổ Trinitrotoluen (TNT)

+ **Tính năng:** Có dạng tinh thể rắn; màu vàng nhạt (Hình 6.5a); khi tiếp xúc ánh sáng mặt trời ngả sang màu nâu; có vị đắng; khi cháy tạo ra lửa đỏ, khói đen, mùi nhựa thông; ít hút ẩm; dùng được ở dưới nước; dễ hoà tan trong benzen, axeton, ete, rượu etylic hoặc các loại acid đậm đặc; gây nổ bằng kíp số 6 trở lên, nếu thuốc nổ đúc khi gây nổ phải dùng thuốc nổ mồi. Nóng chảy ở 81°C , bốc cháy ở 310°C , nổ ở 350°C ; nếu tăng nhiệt độ đột ngột lên 300°C sẽ nổ.



Mô hình thuốc nổ TNT

+ **Tác dụng:** Được sử dụng rộng rãi trong quân đội cũng như trong một số lĩnh vực khác; thường được đúc thành từng bánh có khối lượng từ 15 g đến 400 g để làm các loại lượng nổ; trộn với thuốc nổ mạnh làm dây nổ; trộn với thuốc nổ yếu để phá đất, phá đá.

– Thuốc nổ C4

+ **Tính năng:** Là thuốc nổ hỗn hợp gồm 80% thuốc nổ mạnh Hexogen bột trộn với 20% chất kết dính. Màu trắng đục, mùi hắc, dẻo, nhào nặn dễ dàng, vị hơi ngọt (Hình 6.5b); không hút ẩm, không tan trong nước. Sử dụng trong điều kiện nhiệt độ từ -30°C đến 50°C . Nếu nhiệt độ càng thấp thì độ dẻo càng giảm; gây nổ bằng kíp số 6 trở lên; đốt khó cháy, đốt nóng đến 190°C thì cháy, khi cháy ở 201°C thì nổ.



Mô hình thuốc nổ C4

Hình 6.5. Một số loại thuốc nổ

Em có biết?

Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, bộ đội ta đã bí mật đào một đường hầm vào trong lòng đồi A1. Trong lòng đồi, ta bố trí gần 1000 kg thuốc nổ mạnh. Khi kích nổ, uy lực của khối thuốc đã tạo ra tiếng nổ và rung chấn lớn, làm cho quân địch ở đồi A1 hoang mang, choáng váng. Tiếng nổ cũng là hiệu lệnh tổng công kích trên toàn mặt trận.

Trích tài liệu Lịch sử Quân sự Việt Nam, tập 12,
Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.



Hình 6.6. Dấu tích còn lại từ vụ nổ của khối thuốc nổ gần 1000 kg ở đồi A1 trong chiến dịch Điện Biên Phủ (5/1954)

⁽²⁾ Từ điển thuật ngữ quân sự, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân năm 2007.

+ **Tác dụng:** Dùng để phá huỷ các vật thể có hình dạng phức tạp; dùng làm lượng nổ lổm.



Cho biết tác dụng của thuốc nổ Trinitrotoluen (TNT) và thuốc nổ C4.

c) Đồ dùng gây nổ

Bộ đồ dùng gây nổ thường gồm kíp thường, nụ xùy và dây cháy chậm.

- Kíp thường

+ **Cấu tạo:** Kíp thường có cấu tạo gồm vỏ kíp, mắt ngỗng, bát kim loại, thuốc gây nổ và thuốc nổ mạnh (Hình 6.7a). Căn cứ vào kích thước, kíp được phân ra 10 cỡ số, từ 1 đến 10; trong thực tế thường dùng kíp số 6, 8, 10. Số kíp càng lớn, thuốc càng nhiều, gây nổ càng mạnh.

+ **Tính năng, tác dụng:** Dùng để gây nổ thuốc nổ hoặc dây nổ. Cảm ứng của kíp rất nhạy; nếu để va chạm, cọ xát, chấn động mạnh, vật nặng đè lên, tăng nhiệt độ hoặc khôu mốc, chọc vào thuốc gây nổ (mắt ngỗng) đều có thể nổ.

- Nụ xùy

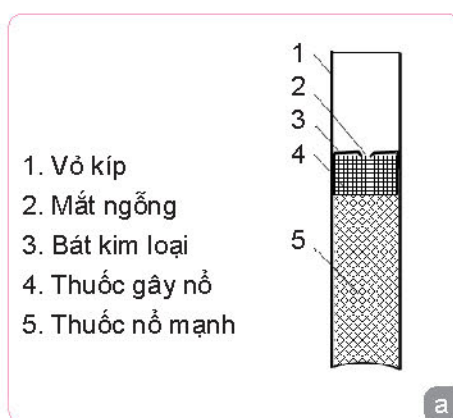
+ **Cấu tạo:** Nụ xùy có cấu tạo gồm vỏ, gờ định vị dây cháy chậm, lỗ thoát khí, dây kim loại, bát kim loại chứa thuốc phát lửa và dây giật (Hình 6.7b).

+ **Tính năng, tác dụng:** Nụ xùy dùng để phát lửa đốt cháy dây cháy chậm hoặc gây nổ kíp (gây nổ trực tiếp). Nụ xùy phát lửa rất nhạy nhưng khi hút ẩm không phát lửa được. Vì vậy, phải giữ gìn, bảo quản cẩn thận.

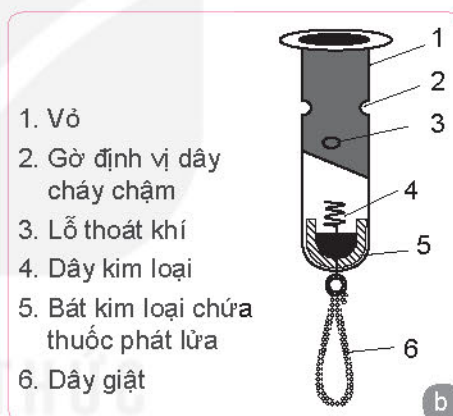
- Dây cháy chậm

+ **Cấu tạo:** Dây cháy chậm có cấu tạo gồm vỏ, lớp sợi, lõi thuốc đen và dây tim (Hình 6.7c).

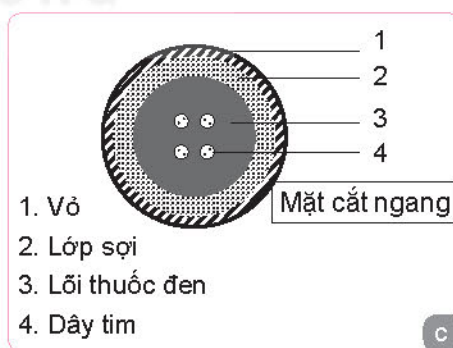
+ **Tính năng, tác dụng:** Dây cháy chậm dùng để dẫn lửa gây nổ kíp. Tốc độ cháy trung bình của dây cháy chậm trong không khí là 1 cm/s, nếu cháy dưới nước thì nhanh hơn. Khi dùng phải căn cứ vào tính năng, ý định, cách đánh và khoảng cách bảo đảm an toàn cho người đánh thuốc nổ mà cắt dây cháy chậm dài hay ngắn.



Kíp thường



Nụ xùy



Dây cháy chậm

Hình 6.7. Đồ dùng gây nổ thường



Bộ đồ dùng gây nổ thường có mấy bộ phận? Đó là những bộ phận nào?

2. Vật cản

a) Khái niệm

Vật cản là tên gọi chung các vật thể, phương tiện do người làm ra hoặc cải tạo cái có sẵn để làm chậm hoặc ngăn cản cơ động, gây khó khăn cho các hoạt động khác và thiệt hại cho đối phương⁽³⁾.

b) Phân loại

Có vật cản tự nhiên và vật cản nhân tạo. Vật cản tự nhiên là loại vật cản có sẵn trong tự nhiên như rừng, núi, sông, suối, ao, hồ,... Vật cản nhân tạo là vật cản do con người tạo ra, gồm vật cản nổ và vật cản không nổ.

Vật cản nổ là vật cản bằng mìn, lượng nổ,... dùng uy lực thuốc nổ để tiêu diệt địch. Trong đó, có vật cản chống các phương tiện cơ giới (mìn chống tăng, lượng nổ mạnh,...); vật cản chống bộ binh (mìn chống bộ binh, lượng nổ nhỏ,...); thủy lôi,...

Vật cản không nổ có nhiều loại như hàng rào thép gai, hàng rào tre, hàng rào điện, hào, hố, vách đứng, vách huyệt,...

c) Một số loại vật cản



Chông tre



Hàng rào lò xo



Hàng rào vướng chân

Hình 6.8. Một số loại vật cản



Thế nào là vật cản? Nêu cách phân loại vật cản.

3. Vũ khí tự tạo

Vũ khí tự tạo là vũ khí có cấu tạo và nguyên lí hoạt động đơn giản, dễ chế tạo bằng những phương pháp và phương tiện thủ công, dùng vật liệu tại chỗ, đạn dược hỏng hoặc cải tiến các loại đạn dược thu được của đối phương⁽⁴⁾.

Vũ khí tự tạo có khả năng sát thương, tiêu diệt sinh lực địch hiệu quả, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng trong lực lượng vũ trang của địa phương. Vũ khí tự tạo có nhiều loại như dao, mã tấu, giáo, mác, kiếm; gậy tầm vông, cung, nỏ, chông các loại; bẫy chông, bẫy đá, bẫy đạn; tổ ong; bom, lựu đạn, mìn tự chế,...

(3), (4) Từ điển thuật ngữ quân sự, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân năm 2007.



Lực lượng vũ trang tự vệ Tây Nguyên luyện tập bắn cung trong kháng chiến chống Mỹ



Nhân dân xã Nhuận Đức, Củ Chi, Sài Gòn – Gia Định làm hầm chông tiêu diệt địch, năm 1963

Hình 6.9. Một số loại vũ khí tự tạo



Thế nào là vũ khí tự tạo? Kể tên một số loại vũ khí tự tạo mà em biết.

LUYỆN TẬP

Tháo, lắp súng tiểu liên AK.

– Luyện tập cá nhân:

Từng người tự nghiên cứu và thực hiện động tác tháo, lắp súng tiểu liên AK.

– Luyện tập theo nhóm:

Luân phiên ở cương vị trưởng nhóm chỉ huy nhóm luyện tập, duy trì luyện tập và sửa tập theo các bước:

Bước 1: Tập chậm

Tập chậm đến nhanh dần các bước tháo, lắp súng tiểu liên AK.

Bước 2: Tập tổng hợp

Tập liên kết các bước, nhanh dần đến thuần thục động tác tháo, lắp súng tiểu liên AK.

VẬN DỤNG

1. Khi thực hành tháo súng tiểu liên AK, do súng bị kẹt, học sinh Thái không thể tháo được bộ khoá nòng ra khỏi súng. Trong trường hợp này, Thái nên làm gì?
2. Em hãy sưu tầm và kể cho các bạn trong lớp biết một loại vũ khí tự tạo mà quân và dân ta đã sử dụng trong chiến tranh giải phóng.



PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- * Nêu được những nội dung cơ bản pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ;
- * Biết tuyên truyền, vận động người thân không tàng trữ, mua, bán, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái pháp luật.

MỞ ĐẦU

Quan sát hình 7.1 và cho biết: Hình ảnh thể hiện hành động gì của công dân?



Hình 7.1

KHÁM PHÁ

I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ

1. Một số khái niệm

a) Khái niệm

Vũ khí là thiết bị, phương tiện hoặc tổ hợp những phương tiện được chế tạo, sản xuất có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá hủy kết cấu vật chất, bao gồm vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao và vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự.

Vũ khí quân dụng bao gồm hai nhóm: nhóm 1 là vũ khí được chế tạo, sản xuất bảo đảm tiêu chuẩn kĩ thuật, thiết kế của nhà sản xuất hợp pháp (súng cầm tay; vũ khí hạng nhẹ; vũ khí hạng nặng); nhóm 2 là vũ khí được chế tạo, sản xuất thủ công hoặc công nghiệp, không theo tiêu chuẩn kĩ thuật, thiết kế của nhà sản xuất hợp pháp, có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá hủy kết cấu vật chất tương tự như súng cầm tay; vũ khí hạng nhẹ; vũ khí hạng nặng.



Hình 7.2. Vũ khí quân dụng trang bị cho cá nhân

Súng săn là súng được chế tạo, sản xuất thủ công hoặc công nghiệp, được sử dụng để săn bắn, bao gồm súng kíp, súng hơi và đạn sử dụng cho các loại súng này.

Vũ khí thô sơ là vũ khí có cấu tạo, nguyên lý hoạt động đơn giản và được chế tạo, sản xuất thủ công hoặc công nghiệp, bao gồm dao găm, kiếm, giáo, mác, thương, lưới lê, đao, mã tấu, côn, quả đấm, quả chùy, cung, nỏ, phi tiêu.

Vũ khí thể thao là vũ khí được chế tạo, sản xuất thủ công hoặc công nghiệp, được sử dụng để luyện tập, thi đấu thể thao.

Vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao là vũ khí có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá hủy kết cấu vật chất.

b) Vật liệu nổ

Vật liệu nổ là sản phẩm dưới tác động của xung kích thích ban đầu gây ra phản ứng hoá học nhanh, mạnh, toả nhiệt, sinh khí, phát sáng, tạo ra tiếng nổ, bao gồm:

Thuốc nổ là hoá chất hoặc hỗn hợp chất được sản xuất, sử dụng nhằm tạo ra phản ứng nổ dưới tác động của xung kích thích.

Phụ kiện nổ là kíp nổ, dây nổ, dây cháy chậm, mìn nổ, vật phẩm chứa thuốc nổ, có tác dụng tạo xung kích thích ban đầu làm nổ khối thuốc nổ hoặc thiết bị chuyên dùng có chứa thuốc nổ.

c) Công cụ hỗ trợ

Công cụ hỗ trợ là phương tiện, động vật nghiệp vụ được sử dụng để thi hành công vụ, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, nhằm hạn chế, ngăn chặn người có hành vi vi phạm pháp luật chống trả, trốn chạy; bảo vệ người thi hành công vụ, người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ hoặc báo hiệu khẩn cấp.



Hình 7.3. Khoá số 8 và chó nghiệp vụ



Kể tên các loại vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ mà em biết.

2. Một số nguyên tắc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trang bị vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ phải đúng thẩm quyền, đối tượng và bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Người quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm đầy đủ điều kiện theo quy định.

Sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm đúng mục đích, đúng quy định, hạn chế thiệt hại đối với người, tài sản và môi trường, chỉ sử dụng trong những trường hợp pháp luật quy định.

Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, trang bị, mang, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, sửa chữa, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép, giấy xác nhận.

Vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ không còn nhu cầu sử dụng, hết hạn sử dụng hoặc không còn khả năng sử dụng phải được thu hồi, thanh lý hoặc tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

3. Trang bị vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ

Tổ chức được trang bị vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Đối với vũ khí quân dụng, Bộ Quốc phòng trang bị cho: Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ, Cảnh sát biển, Cơ yếu. Bộ Công an trang bị cho: Công an nhân dân, Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm lâm, Kiểm ngư; An ninh hàng không, Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách chống buôn lậu của Hải quan.

Các tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thì được nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ.

Sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ tuân thủ các quy định tại Điều 22, Điều 27, Điều 31, Điều 61 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Chú ý: Khi sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật.

4. Tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải trình báo, khai báo, giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ cho cơ quan công an hoặc ủy ban nhân dân, cơ quan quân sự nơi gần nhất trong trường hợp không thuộc đối tượng trang bị, sử dụng theo quy định của pháp luật mà có từ bất kỳ nguồn nào hoặc phát hiện, thu nhặt được.

Việc tiếp nhận, thu gom vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ phải được tiến hành thường xuyên và thông qua các đợt vận động.



Nêu quy định về việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

Cá nhân không được sở hữu vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, trừ vũ khí thô sơ là hiện vật để trưng bày, triển lãm, đồ gia bảo.

Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, sửa chữa, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ hoặc chi tiết, cụm chi tiết để lắp ráp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; mang trái phép vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc vào nơi cấm, khu vực cấm, khu vực bảo vệ và mục tiêu bảo vệ.

Giao vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện theo quy định.

Trao đổi, tặng, cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ hoặc chi tiết, cụm chi tiết để lắp ráp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; trừ trường hợp trao đổi, tặng, cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê vũ khí thô sơ để làm hiện vật trưng bày, triển lãm, đồ gia bảo.

Chiếm đoạt, mua, bán, trao đổi, tặng, cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố phế liệu, phế phẩm vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; hướng dẫn, huấn luyện, tổ chức huấn luyện trái phép cách thức chế tạo, sản xuất, sửa chữa hoặc sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ dưới mọi hình thức.

Che giấu, không tố giác, giúp người khác chế tạo, sản xuất, mang, mua, bán, sửa chữa, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép hoặc huỷ hoại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; đào bới, tìm kiếm, thu gom trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Không báo cáo, báo cáo không kịp thời, che giấu hoặc làm sai lệch thông tin báo cáo về việc mất, thất thoát, tai nạn, sự cố về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

6. Quy định của pháp luật về xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

Xử phạt vi phạm hành chính: Các hành vi vi phạm bị phạt tiền từ 1 000 000 đồng đến 40 000 000 đồng.

Xử lý hình sự đối với các tội: Chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua, bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng; chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua, bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ; chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua, bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ và các vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự; vi phạm quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.



- Khi nhặt, nhìn thấy các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thì phải thông báo hoặc mang đến cơ quan nào?
- Pháp luật quy định như thế nào về xử phạt các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ?

II. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ

1. Trách nhiệm của công dân

Tích cực, chủ động tìm hiểu để nắm vững các quy định của pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Phát hiện, tố giác, kiên quyết đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng, vận chuyển, mua, bán, đào bới, tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái phép.

Tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

2. Trách nhiệm của học sinh

Nhận thức đúng và thực hiện nghiêm các quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Phát huy ý thức, trách nhiệm trong việc tuyên truyền, vận động, phát hiện cá nhân, tổ chức có hành vi tàng trữ, mua, bán, vận chuyển, đào bới, tìm kiếm, sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Thể hiện thái độ không đồng tình với những hành vi vi phạm pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Phản ánh với thầy, cô giáo và nhà trường, cơ quan công an, ủy ban nhân dân, cơ quan quân sự gần nhất các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.



- Công dân có trách nhiệm gì trong thực hiện các quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ?
- Khi phát hiện một người có hành vi tàng trữ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, em sẽ làm gì?

LUYỆN TẬP

1. Cho biết một số cơ quan, tổ chức được pháp luật cho phép sử dụng vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ khi thực hiện nhiệm vụ.
2. Pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ quy định những hành vi nào bị nghiêm cấm? Vì sao?

VẬN DỤNG

1. Suru tầm hình ảnh về vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.
2. Xây dựng tiểu phẩm để tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

LỢI DỤNG ĐỊA HÌNH, ĐỊA VẬT

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- * Phân tích được khái niệm, ý nghĩa, yêu cầu của các tư thế, động tác lợi dụng địa hình, địa vật;
- * Thực hành được các động tác kĩ thuật phù hợp với các loại địa hình, địa vật trong các tình huống diễn ra.

MỞ ĐẦU

Theo em, chiến sĩ trong hình 8.1 lợi dụng bụi cây, ụ đất để làm gì?



Hình 8.1

KHÁM PHÁ

I. CÁC LOẠI ĐỊA HÌNH, ĐỊA VẬT

1. Vật che khuất

Là những vật có thể che giấu được hành động, nhưng không thể chống đỡ được đạn bắn thẳng, mảnh bom, pháo, cối, lựu đạn xuyên qua như bụi cây (Hình 8.2a), bụi cỏ rậm rạp, mảnh, rèm,...

2. Vật che đỡ

Là những vật có sức chống đỡ được đạn bắn thẳng, mảnh bom, đạn pháo, cối, lựu đạn khó xuyên qua, đồng thời có tác dụng che kín được hành động tương tự địa vật che khuất như mô đất (Hình 8.2b), gốc cây, bờ ruộng, bờ tường, vật kiến trúc kiên cố,...

3. Địa hình trống trải

Là những nơi không có vật che khuất hoặc che đỡ như bãi bằng phẳng (Hình 8.2c), đồi trọc, mặt đường,...



Hình 8.2. Vật che khuất, vật che đỡ và địa hình trống trải



Nêu những điểm giống và khác nhau giữa địa hình, địa vật che khuất và địa hình, địa vật che đỡ.

II. CÁCH LỢI DỤNG ĐỊA HÌNH, ĐỊA VẬT

1. Ý nghĩa, yêu cầu

Ý nghĩa: Lợi dụng địa hình, địa vật để che giấu hành động chiến đấu, thuận lợi cho việc sử dụng vũ khí tiêu diệt địch và bảo vệ mình.

Yêu cầu: Theo dõi được địch nhưng địch khó phát hiện ta; tiện đánh địch nhưng địch khó đánh ta; hành động phải khéo léo, bí mật, tinh khôn; nguy trang phù hợp với màu sắc địa hình xung quanh, không làm thay đổi hình dáng và rung động vật lợi dụng; tránh lợi dụng địa vật đột xuất.



Tại sao khi lợi dụng địa hình, địa vật hành động phải khéo léo, bí mật và tránh lợi dụng địa vật đột xuất?

2. Cách lợi dụng

a) Lợi dụng vật che khuất

Mục đích lợi dụng: Để giữ kín hành động khi quan sát, vận động, ẩn nấp hoặc làm công sự, vật cản trở, bố trí chông, mìn, cạm bẫy,... để diệt địch.

Vị trí lợi dụng: Phải tùy theo độ kín đáo và màu sắc của vật lợi dụng, thời tiết ánh sáng,... mà có thể lợi dụng phía sau, bên cạnh hoặc phía trước, sát gần hoặc xa vật lợi dụng. Đối với vật che khuất kín đáo, dù điều kiện thời tiết ánh sáng, màu sắc như thế nào đều có thể lợi dụng phía sau vật. Ban đêm, nếu vật lợi dụng có màu sắc tương đồng với trang phục của người thì có thể lợi dụng cả bên cạnh hoặc phía trước.

Đối với vật che khuất không thật sự kín đáo, chủ yếu là lợi dụng phía sau. Nếu phía địch có ánh sáng nhiều hơn phía ta, có thể lợi dụng sát gần vật; nếu ánh sáng phía ta nhiều hơn phía địch thì không nên lợi dụng. Nếu phía ta và địch có ánh sáng đều nhau, phải lợi dụng xa vật một khoảng cách thích hợp.

Tư thế, động tác khi lợi dụng:

Khi vận động: Tùy theo vật lợi dụng cao hay thấp, to hay nhỏ để vận dụng các tư thế cho phù hợp như đi khom, bò, lê, trườn (Hình 8.3) nhưng đều phải thấp và nhỏ hơn vật lợi dụng.



Hình 8.3. Tư thế, động tác lợi dụng một số vật che khuất

Khi ẩn nấp: Tuỳ theo vật lợi dụng cao hay thấp, to hay nhỏ để vận dụng các tư thế cho phù hợp như đứng, quỳ, nằm (Hình 8.4),... nhưng đều phải thấp và nhỏ hơn vật lợi dụng.



Hình 8.4. Tư thế lợi dụng vật che khuất khi ẩn nấp

Hành động khi lợi dụng phải hết sức bí mật, khéo léo, thận trọng, không làm rung động, thay đổi hình dạng và màu sắc của vật lợi dụng.

Chú ý: Trường hợp lợi dụng để làm công sự, bố trí vật cản để tiêu diệt địch, phải chọn nơi kín đáo, bất ngờ, tiện nguy trang, địch khó phát hiện. Khi đã dùng vũ khí (bắn súng, ném lựu đạn,...) tiêu diệt địch, bị địch phát hiện phải nhanh chóng rời khỏi vị trí đó, tiếp tục lợi dụng vật khác.

? Tại sao không nên lợi dụng vật che khuất không thật sự kín đáo khi ánh sáng phía ta nhiều hơn phía địch?

b) Lợi dụng vật che đỡ

Mục đích lợi dụng: Lợi dụng vật che đỡ để che giấu hành động, tránh được đạn bắn thẳng, mảnh bom, mảnh đạn của địch gây ra.

Vị trí lợi dụng: Lợi dụng để che giấu hành động khi quan sát, vận động, ẩn nấp. Vị trí lợi dụng cơ bản giống như lợi dụng vật che khuất kín đáo. Lợi dụng để bắn súng, ném lựu đạn, làm công sự, bố trí vật cản. Vị trí lợi dụng chủ yếu ở phía sau hoặc phía sau bên phải vật.

Tư thế, động tác khi lợi dụng:

Khi vận động, ẩn nấp: Tư thế động tác khi lợi dụng tương tự như khi lợi dụng vật che khuất.

Khi sử dụng vũ khí tiêu diệt địch: Tuỳ theo vật lợi dụng cao hay thấp để vận dụng các tư thế đứng, quỳ, nằm bắn (Hình 8.5a, b, c) hoặc ném lựu đạn (Hình 8.5d) cho phù hợp, nhưng chủ yếu phải lấy yếu tố thuận lợi để tiêu diệt địch, đồng thời bảo vệ được mình.



Hình 8.5. Tư thế, động tác lợi dụng một số vật che đỡ

? Vị trí lợi dụng vật che khuất, vật che đỡ có điểm gì giống và khác nhau?

c) Vượt qua địa hình trống trải

Mục đích: Nhằm tránh địch phát hiện hoặc nếu có phát hiện vẫn khó phân biệt giữa ta và địa hình, địa vật xung quanh.

Tư thế, động tác:

Khi vận động: Phải triệt để lợi dụng lúc địch sơ hở hoặc sương mù, khói bụi,... dùng động tác vọt tiến (Hình 8.6a) để nhanh chóng vượt qua. Ban đêm, nếu điều kiện không vọt tiến được thì nguy trang thích hợp, dùng tư thế thấp, nghiêng mình thu nhỏ mục tiêu, khéo léo, thận trọng tiến thẳng về hướng địch. Chú ý người không nhấp nhô và không làm rung động nguy trang.

Khi ẩn nấp và quan sát: Chủ yếu lợi dụng địa hình, địa vật có màu sắc thích hợp, dùng tư thế thấp để thu nhỏ mục tiêu (Hình 8.6b), hành động phải hết sức khôn khéo, thận trọng, không làm thay đổi hình dáng, tư thế một cách đột ngột và rung động nguy trang.



Hình 8.6. Tư thế, động tác vượt qua địa hình trống trải



Khi vượt qua địa hình trống trải cần chú ý những điểm gì?

LUYỆN TẬP

Luyện tập hành động của chiến sĩ lợi dụng vật che khuất, che đỡ và vượt qua địa hình trống trải.

– Luyện tập cá nhân:

Từng người tự nghiên cứu, thực hiện động tác, xác định vị trí, cách lợi dụng vật che khuất, che đỡ và vượt qua địa hình trống trải.

– Luyện tập theo nhóm:

Luân phiên ở cương vị trưởng nhóm chỉ huy nhóm luyện tập theo các bước:

Bước 1: Tập chậm

Luyện tập chậm cho đến nhanh dần hành động của chiến sĩ lợi dụng vật che khuất, che đỡ và vượt qua địa hình trống trải (quá trình luyện tập sửa tập cho nhau).

Bước 2: Tập tổng hợp

Luyện tập nhanh, sát thực tế chiến đấu hành động của chiến sĩ lợi dụng vật che khuất, che đỡ và vượt qua địa hình trống trải (quá trình luyện tập sửa tập cho nhau).

VẬN DỤNG

Hãy quan sát và nêu một số vật che khuất, che đỡ trong khuôn viên trường em.



NHÌN, NGHE, PHÁT HIỆN ĐỊCH, CHỈ MỤC TIÊU, TRUYỀN TIN LIÊN LẠC, BÁO CÁO

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- * Nêu được ý nghĩa, yêu cầu, hành động nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo làm cơ sở vận dụng trong chiến đấu và học chiến thuật;
- * Thực hành được hành động của chiến sĩ nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo. Vận dụng được các nội dung đã học vào luyện tập các tình huống cụ thể.

MỞ ĐẦU

Theo em, chiến sĩ trong hình 9.1 đang thực hiện nhiệm vụ gì?



Hình 9.1

KHÁM PHÁ

I. NHÌN, NGHE, PHÁT HIỆN ĐỊCH, CHỈ MỤC TIÊU

1. Ý nghĩa, yêu cầu

Ý nghĩa: Nhìn, nghe, phát hiện địch và chỉ mục tiêu chính xác là điều kiện hết sức quan trọng để từng người, đồng đội và người chỉ huy xử trí các tình huống trong chiến đấu nhanh chóng, chính xác và kịp thời.

Yêu cầu: Tập trung tư tưởng, có ý thức cảnh giác cao; hành động khôn khéo, bí mật, thận trọng; phát hiện, báo cáo chính xác, kịp thời.



Tại sao khi nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu phải tập trung tư tưởng và có ý thức cảnh giác cao?

2. Hành động

a) Nhìn

Chọn vị trí nhìn: Ban ngày nên chọn nơi cao, kín đáo, có tầm nhìn xa và rộng để theo dõi được hành động của địch, bảo đảm bí mật, tiện cho việc nguy trang và liên lạc báo cáo. Ban đêm nên chọn nơi thấp để tiện quan sát, phát hiện các mục tiêu trên cao.

Cách nhìn: Nhìn trực tiếp bằng mắt hoặc qua các vật phản chiếu như gương soi, mặt cửa kính, mặt nước,... Khi nhìn, phải nhìn lướt qua một lượt từ gần đến xa, từ phải qua trái và ngược lại, để phán đoán nơi địch có thể lợi dụng hoặc dấu vết nghi ngờ có địch. Sau đó, nhìn kĩ theo thứ tự: nơi nghi ngờ có địch, khu vực địa hình sẽ lợi dụng để hành động. Phải ghi nhớ địa hình, địa vật đã quan sát, những lần nhìn sau phải chú ý những điểm thay đổi có thể do địch tạo ra như thay đổi hình dáng, màu sắc của địa hình, địa vật, từ đó phán đoán chính xác về địch.

Khi đã nhìn thấy rõ địch, phải xem địch nhiều hay ít, sử dụng vũ khí gì,... Khi đang vận động, chủ yếu là nhìn lướt qua, muốn nhìn kĩ phải dừng lại. Khi làm nhiệm vụ canh gác, tuần tra không nên vừa đi vừa nhìn.

Khi nhìn qua khe, kẽ cửa địa hình, địa vật như rèm che, màn vải thưa, cửa kính,... phải tránh ở bên sáng nhìn qua bên tối. Khi ở bên thật tối nhìn qua bên thật sáng có thể đến gần vật chắn để nhìn cho rõ nhưng không để mất quan sát gần vật chắn.

Chú ý: Nếu dùng đèn soi về phía địch, nên kết hợp với đồng đội, một người soi, một người nhìn, người soi lợi dụng địa hình, địa vật ẩn nấp, người nhìn ở hướng khác để nhìn.



Tại sao khi chọn vị trí nhìn, ban ngày nên chọn nơi cao, ban đêm nên chọn nơi thấp?

b) Nghe

Chọn vị trí nghe: Muốn nghe tốt thường chọn những nơi tương đối yên tĩnh, xung quanh không có nhiều tiếng động ồn ào lớn hơn tiếng động cần nghe, nơi địa hình, địa vật trống trải, không có vật chắn ngăn cách.

Cách nghe: Khi có những vật dẫn tiếng động tốt như mặt đất rắn, mặt đường, đường ray tàu hoả, nơi ẩm ướt và khi cần nghe tiếng động sát phía bên kia vật chắn như tường bao, tường nhà,... nên áp tai vào vật đó để nghe (Hình 9.2a, b). Cùng một lúc có nhiều tiếng động, phải chọn lọc những tiếng động nghi ngờ nghe trước. Trường hợp trời mưa, gió nhiều tiếng động ồn ào có thể dùng bàn tay làm phễu, úp sát vào vành tai để hờ một ít (Hình 9.2c) để nghe được rõ hơn, tránh để mưa tạt, gió rít vào tai hoặc vành mũ, gây ra tiếng động sát bên tai, sẽ khó phân biệt âm thanh cần nghe.

Chú ý: Khi đang vận động, muốn nghe rõ nên dừng lại. Nếu nghe lúc đang đi, động tác vận động phải nhẹ nhàng. Trong mọi trường hợp, phải luôn đề phòng những tiếng động do địch tạo ra để nghi binh đánh lừa ta.



Hình 9.2. Cách nghe ở đường ray tàu hoả, bờ tường và khi trời mưa, gió



Nêu điểm khác nhau giữa chọn vị trí nghe so với chọn vị trí nhìn.

c) Phát hiện địch

Căn cứ vào kết quả nhìn, nghe để nhanh chóng phán đoán mọi hiện tượng có liên quan đến tình hình địch, cụ thể:

Nhìn thấy địa hình có những điểm thay đổi về hình dáng, màu sắc hoặc chuyển động không bình thường như trong bãi cỏ xanh xuất hiện vàng cỏ úa khác màu; không có gió nhưng cành cây rung động; bụi cây to, ụ đất mới xuất hiện; khoảng cách giữa bụi cây, ụ đất gần hoặc xa hơn so với lần nhìn trước, nếu biết rõ ở nơi đó không có ta thì có thể là có địch.

Khi thấy người có thái độ sợ hãi thì nơi nhìn, hướng nhìn của người đó có thể là có địch. Nếu thấy người có thái độ rụt rè, sợ sệt thì có thể là địch.

Thấy súc vật, chim đang ăn bỗng nhiên vụt chạy, vội bay hoảng hốt nếu biết nơi đó không có ta thì hướng nhìn, nơi nhìn của chúng là nơi có thể có địch.

Khi có tiếng động bất thường như tiếng động của cành cây khô, sỏi đá, tiếng va chạm, cọ sát của quần áo hoặc đồ vật kim loại, cây cỏ hoặc chó sủa, tiếng côn trùng, thú vật đang kêu bỗng im bất thì nơi đó có thể có người đi lại, nếu biết rõ nơi đó không có ta thì đó có thể là địch.

Trước khi chiến đấu hoặc sau trận chiến đấu đã lâu, nếu nghe tiếng súng nổ lẻ tẻ thì đó có thể là có địch. Trong mọi trường hợp, nếu nghe tiếng súng nổ khác nhau liên tục dồn dập thì nơi đó có ta và địch.

Khi thấy dấu vết máu tàn thuốc lá, thức ăn thừa rơi vãi của địch còn mới là địch vừa đi qua; nếu dấu vết hoặc thức ăn đã cũ là địch đi đã lâu.

d) Chỉ mục tiêu

Căn cứ vào vật chuẩn: Trường hợp người chỉ huy đã quy định thống nhất các vật chuẩn trên thực địa, khi có mục tiêu xuất hiện phải quan sát, xem xét mục tiêu đó ở gần vật chuẩn nào để chỉ cho người nhận nhanh chóng nhìn thấy mục tiêu. Trường hợp vật chuẩn chưa xác định trước, khi chỉ mục tiêu phải chọn địa hình, địa vật rõ rệt, gần mục tiêu làm chuẩn, rồi dựa vào vật chuẩn đó để chỉ mục tiêu.

Chỉ bằng đạn vạch đường: Ban đêm hoặc trong điều kiện tầm nhìn bị hạn chế có thể dùng đạn vạch đường bắn thẳng về hướng mục tiêu để chỉ cho người nhận.



Khi cần giữ yếu tố bí mật nên vận dụng phương pháp chỉ mục tiêu nào? Tại sao?

II. TRUYỀN TIN LIÊN LẠC, BÁO CÁO

1. Ý nghĩa, yêu cầu

Ý nghĩa: Truyền tin liên lạc, báo cáo là nội dung không thể thiếu trong chiến đấu. Để bảo đảm chỉ huy được thông suốt, giữ vững liên lạc, hiệp đồng trong hành quân và chiến đấu giữa người chỉ huy với bộ đội, giữa đơn vị này với đơn vị khác.

Yêu cầu: Nhanh chóng, chính xác, bí mật; nhớ các kí hiệu, ám hiệu đã quy định; tuyệt đối không để nội dung truyền tin, báo cáo rơi vào tay quân địch.



Tại sao nói truyền tin liên lạc, báo cáo là nội dung không thể thiếu trong chiến đấu?

2. Hành động

a) Dùng lời nói

Thường vận dụng trong hành quân, trú quân và làm nhiệm vụ liên lạc, báo cáo.

Trong hành quân: Khi còn xa địch có thể dùng lời nói để truyền tin nhưng phải bảo đảm ngắn gọn, rõ, đủ và chính xác (Hình 9.3); khi gần địch, đến sát người phía sau hoặc trước, nói đủ nghe, hành động phải bí mật. Ban đêm, người phía trước phải lùi lại phía sau, người phía sau tiến lên phía trước, truyền tin xong về vị trí của mình.



Hình 9.3. Dùng lời nói truyền tin trong hành quân

Khi làm nhiệm vụ liên lạc, báo cáo: Chiến sĩ nhận các nội dung truyền tin liên lạc, báo cáo từ người chỉ huy phải nắm chắc, nếu chưa rõ phải hỏi lại. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ hoặc không tìm thấy người nhận, phải lập tức trở về báo cáo tình hình cho người chỉ huy.

Chú ý: Trong mọi trường hợp, khi bắt ngờ gặp địch trên dọc đường hoặc bị không quân, pháo binh địch đánh phá, phải triệt để lợi dụng địa hình, tránh hỏa lực địch sát thương, sau đó khéo léo nghi binh, lừa địch tìm đường vòng tránh; nếu không vòng tránh được, phải nhanh chóng nổ súng tiêu diệt địch và lợi dụng lúc rối loạn bất ngờ vượt qua, tìm mọi cách để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trường hợp bị địch bắt, phải tìm mọi cách huỷ, giấu tài liệu, không để tài liệu rơi vào tay quân địch.

b) Dùng kí hiệu, tín hiệu, ám hiệu

Trong hành quân ban ngày, ở cự li thích hợp, có thể dùng kí hiệu, tín hiệu như tay, mũ để bắt liên lạc, báo cáo tình hình kịp thời (Hình 9.4). Ban đêm, thường sử dụng các ám hiệu như vật phát ra ánh sáng hoặc giả tiếng kêu của một số con vật,... để bắt liên lạc với nhau nhưng từng người phải nắm chắc các kí hiệu, tín hiệu, ám hiệu đã quy định. Khi nhận được kí hiệu, tín hiệu, ám hiệu phải nhanh chóng chuyển đi ngay.



Hình 9.4. Dùng tay làm tín hiệu dừng lại

Trong chiến đấu, chủ yếu dùng tín hiệu, ám hiệu bằng màu sắc để nhận nhau như đèn pin, pháo hiệu, đốt lửa, vải trắng,... phải hiệp đồng, thống nhất chặt chẽ giữa các bộ phận, tránh nhầm lẫn về kí hiệu, ám hiệu.

Chú ý: Khi gần địch, dùng kí hiệu, ám hiệu phải bảo đảm bí mật, tránh nhầm lẫn.



Tại sao khi truyền tin ban đêm, người phía trước phải lùi lại phía sau, người phía sau phải tiến lên phía trước?

LUYỆN TẬP

Luyện tập hành động của chiến sĩ nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo.

– Luyện tập cá nhân:

Từng người tự nghiên cứu, thực hiện động tác, xác định vị trí, cách nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo (tại thao trường, bãi tập).

– Luyện tập theo nhóm:

Luân phiên ở cương vị trưởng nhóm chỉ huy nhóm luyện tập theo các bước:

Bước 1: Tập chậm

Luyện tập chậm cho đến nhanh dần hành động của chiến sĩ nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo (quá trình luyện tập sửa tập cho nhau).

Bước 2: Tập tổng hợp

Luyện tập nhanh, sát thực tế chiến đấu hành động của chiến sĩ nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo (quá trình luyện tập sửa tập cho nhau).

VẬN DỤNG

Khi xảy ra các tình huống khẩn cấp như cháy, nổ,... ở trường học, nơi cư trú,... em sẽ làm gì?

Em có biết?

Anh hùng Kim Đồng (tên thật là Nông Văn Dền) sinh năm 1929 tại làng Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Kim Đồng xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo, hồi còn nhỏ vốn đã thông minh, nhanh nhẹn. Năm 1940-1941 Kim Đồng được Đảng giác ngộ giao trách nhiệm đội trưởng đội thiếu niên cứu quốc, làm nhiệm vụ liên lạc, bảo vệ cán bộ hoạt động bí mật tuyệt đối an toàn. Tháng 8/1942, Kim Đồng vinh dự được gặp Bác Hồ tại hang Nộc Ёn. Vào 5 giờ ngày 15/2/1943, Kim Đồng hi sinh thân mình để bảo vệ cán bộ đang họp, không sa vào tay kẻ thù. Tấm gương anh dũng của liệt sĩ Kim Đồng được Đảng và Nhà nước ghi công

(Tư liệu tại khu di tích lịch sử Kim Đồng).

KĨ THUẬT SỬ DỤNG LỰU ĐẠN

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- * Nêu được tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng;
- * Thực hành được động tác đứng, quỳ, nằm ném lựu đạn.

MỞ ĐẦU

Khi ném lựu đạn, người ném cần căn cứ vào địa hình để vận dụng các động tác ném (đứng ném, quỳ ném, nằm ném) cho phù hợp. Theo em, người ném sẽ vận dụng những động tác ném lựu đạn nào tương ứng với các vật che đỡ trong hình 10.1?



Hình 10.1

KHÁM PHÁ

I. TÍNH NĂNG, CẤU TẠO VÀ CHUYỂN ĐỘNG MỘT SỐ LOẠI LỰU ĐẠN THƯỜNG DÙNG

1. Lựu đạn F-1 Việt Nam

a) Tính năng

Trang bị cho từng người trong chiến đấu, dùng để sát thương sinh lực và phá huỷ phương tiện chiến tranh của đối phương bằng mảnh gang và sức ép của khí thuốc.

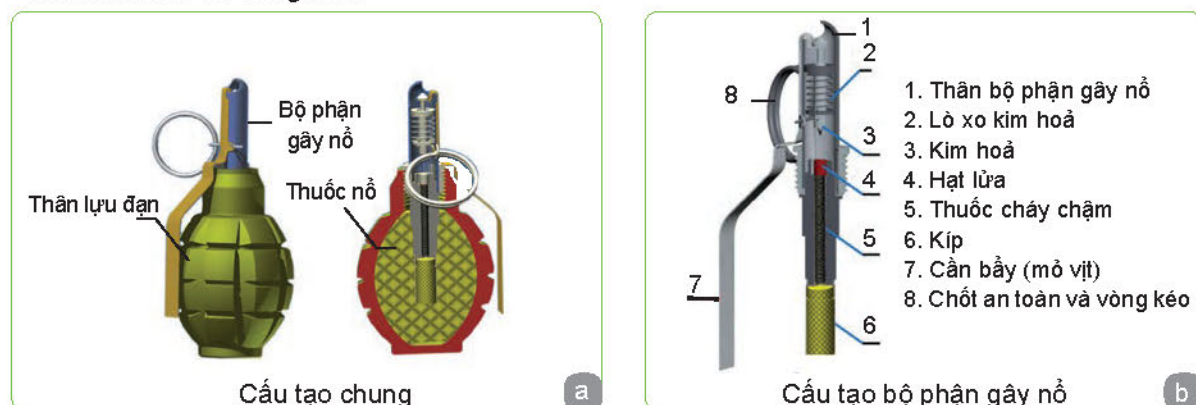
b) Đặc điểm số liệu

- | | |
|-----------------------------------|----------------------------------|
| - Trọng lượng toàn bộ: 600 g | - Chiều cao toàn bộ: 117 mm |
| - Đường kính thân lựu đạn: 55 mm | - Trọng lượng thuốc nổ TNT: 60 g |
| - Thời gian cháy chậm: 3 – 4 giây | - Bán kính sát thương: 20 m |

c) Cấu tạo

- Thân lựu đạn: làm bằng gang có khía tạo thành các múi, bên trong nhồi thuốc nổ TNT, cổ lựu đạn có ren để liên kết với bộ phận gây nổ.
- Bộ phận gây nổ: để giữ an toàn và gây nổ lựu đạn. Bộ phận gây nổ gồm:
 - + Thân bộ phận gây nổ: để chứa đầu cần bẫy (mỏ vịt), kim hoà, lò xo kim hoà và chốt an toàn, phía dưới có vòng ren để liên kết với thân lựu đạn.

- + Kim hoả và lò xo kim hoả.
- + Hạt lửa, thuốc cháy chậm và kíp.
- + Chốt an toàn và vòng kéo.



Hình 10.2. Lựu đạn F-1 Việt Nam

d) Chuyển động

Lúc bình thường, chốt an toàn giữ không cho cần bẫy bật lên, đầu cần bẫy giữ đuôi kim hoả, lò xo kim hoả bị ép lại.

Khi rút chốt an toàn, đuôi cần bẫy bật lên, đầu cần bẫy rời khỏi đuôi kim hoả, lò xo kim hoả bung ra, đẩy kim hoả chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt thuốc cháy chậm, thuốc cháy chậm cháy (từ 3 đến 4 giây) phụt lửa vào kíp làm kíp nổ và gây nổ lựu đạn.



Nêu cấu tạo và chuyển động của lựu đạn F-1 Việt Nam.

2. Lựu đạn LD-01 Việt Nam

a) Tính năng

Dùng để sát thương sinh lực địch bằng uy lực của thuốc nổ kết hợp các mảnh văng.

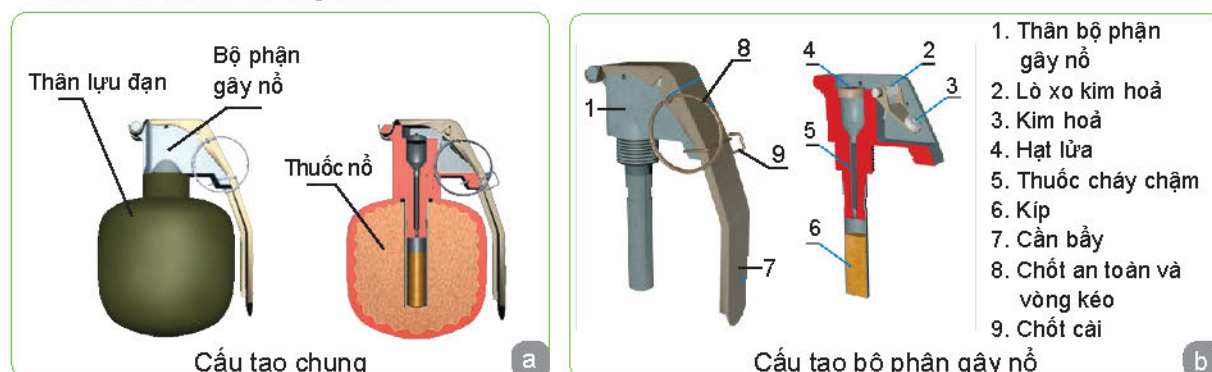
b) Đặc điểm số liệu

- Trọng lượng toàn bộ: 365 – 400 g
- Chiều cao toàn bộ: 88 mm
- Đường kính thân lựu đạn: 57 mm
- Sử dụng ngòi nổ: NLĐ-01 VN
- Trọng lượng thuốc nổ: 125 – 135 g
- Thời gian cháy chậm: 3,2 – 4,2 giây
- Bán kính sát thương: 5 – 6 m

c) Cấu tạo

- Thân lựu đạn: làm bằng thép có bề dày 2,5 mm gồm hai nửa (trên và dưới), mặt trong khía rãnh để tạo nhiều mảnh nổ.
- Bên trong thân được nhồi thuốc nổ, miệng lựu đạn có ống ren để lắp ngòi nổ. Lựu đạn được sơn màu xanh quân sự.
- Bộ phận gây nổ:
 - + Thân bộ phận gây nổ: để lắp cần bẫy (mỏ vịt), kim hoả, lò xo kim hoả và chốt an toàn, phía dưới có vòng ren để liên kết với thân lựu đạn.

- + Kim hoả và lò xo kim hoả.
- + Hạt lửa, thuốc cháy chậm và kíp.
- + Chốt an toàn và vòng kéo.



Hình 10.3. Lựu đạn LĐ-01 Việt Nam

d) Chuyển động

Lúc bình thường, kim hoả nằm ngửa được mặt trên của cần bẫy ép chặt. Cần bẫy được giữ chặt với thân ngòi bằng chốt an toàn, chốt cài, vòng kéo để giữ an toàn trong quá trình bảo quản, vận chuyển.

Khi rút chốt an toàn, cần bẫy bung ra, kim hoả được giải phóng chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy thuốc cháy chậm, thuốc cháy chậm cháy (từ 3,2 đến 4,2 giây), lửa phụt vào kíp làm kíp nổ và gây nổ lựu đạn.

? *Nêu cấu tạo và chuyển động của lựu đạn LĐ-01 Việt Nam.*

II. ĐỘNG TÁC NÉM LỰU ĐẠN

1. Đứng ném lựu đạn

a) Trường hợp vận dụng

Đứng ném lựu đạn thường được dùng trong trường hợp địch ở xa, địa hình có vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm ngực, có thể đứng tại chỗ ném hoặc ném khi đang vận động.



Hình 10.4. Tư thế xách súng

b) Động tác

Người ném đang vận động hoặc đứng tại chỗ xách súng (nếu mang súng phải chuyển về tư thế xách súng (Hình 10.4) đồng thời thực hiện ba cử động (vận dụng đối với cả động tác quỳ, nằm ném lựu đạn):

Cử động 1: Tay trái cầm súng (cầm khoảng dưới ốp lót tay) xách súng lên ngang tầm thắt lưng, mũi súng chếch lên trên (Hình 10.5a). Tay phải lấy lựu đạn ra (Hình 10.5b), bàn tay phải nắm lựu đạn (cần bẫy nằm trong lòng bàn tay) vòng giật chốt an toàn quay sang trái, tay trái bẻ thẳng chốt an toàn, ngón trỏ móc vào vòng kéo (Hình 10.5c), kết hợp lực giữ, kéo của hai tay rút chốt an toàn. Khi rút chốt an toàn, phải rút thẳng theo hướng trục lỗ.



Hình 10.5. Đứng ném lựu đạn – Cử động 1

Cử động 2: Chân trái bước lên (hoặc chân phải lùi về sau) một bước dài, bàn chân trái thẳng trục hướng ném, lấy mũi bàn chân trái và gót bàn chân phải làm trụ xoay người sang phải (gót trái kiễng), người hơi cúi về phía trước, chân trái chùng, chân phải thẳng (Hình 10.6).



Hình 10.6. Đứng ném lựu đạn – Cử động 2

Cử động 3: Tay phải đưa lựu đạn xuống dưới về sau để lấy đà, người ngả về sau, chân trái thẳng, gối phải hơi chùng (Hình 10.7a, b). Dùng sức vút của cánh tay phải, kết hợp sức rướn của thân người, sức bật của chân phải để ném lựu đạn đi. Khi cánh tay phải vung lựu đạn về phía trước một góc khoảng 45° (hợp với mặt phẳng ngang), thì buông lựu đạn ra, đồng thời xoay người đối diện với mục tiêu, tay trái đưa súng về phía sau cho cân bằng (Hình 10.7c). Chân phải theo đà bước lên một bước dài, tay phải cầm súng tiếp tục tiến, bắn hoặc ném quả khác.



Hình 10.7. Đứng ném lựu đạn – Cử động 3

Chú ý: Người ném thuận tay trái thì làm ngược lại; muốn ném được xa phải biết phối hợp sức bật của chân, sức rướn của thân người, sức vút mạnh và đột nhiên của cánh tay; khi vung lựu đạn về phía trước, phải giữ cánh tay ở độ cong, độ chùng tự nhiên (không thẳng hẳn cũng không cong quá) mới có sức vút mạnh, buông lựu đạn đi phải đúng thời cơ, đúng góc ném, đúng hướng.



Quan sát hình 10.5 – 10.7, đọc thông tin và thực hiện động tác đứng ném lựu đạn.

2. Quỳ ném lựu đạn

a) Trường hợp vận dụng

Khi ở gần địch và địa hình hạn chế (chiều cao vật che đỡ 60 – 80 cm) vận dụng tư thế quỳ ném lựu đạn.

b) Động tác

Cử động 1: Tay phải xách súng, chân trái bước chéo sang phải một bước (gót bàn chân trái cách mũi bàn chân phải khoảng 20 – 30 cm), sao cho mép phải của bàn chân trái thẳng với mép trái của bàn chân phải (Hình 10.8).



Hình 10.8. Quỳ ném lựu đạn – Cử động 1

Cử động 2: Dùng mũi bàn chân phải làm trụ xoay gót lên cho bàn chân hợp với hướng ném một góc khoảng 90° , quỳ gối phải xuống đất theo hướng bàn chân phải, mông bên phải ngồi lên gót bàn chân phải, ống chân trái thẳng đứng, súng dựa vào cẳng tay trái, mặt súng quay vào phía thân người (Hình 10.9a). Tay phải lấy lựu đạn ra (Hình 10.9b), bàn tay phải cầm lựu đạn (như động tác đứng ném).



Hình 10.9. Quỳ ném lựu đạn – Cử động 2

Cử động 3: Tay trái cầm súng, báng súng quay sang trái, nòng súng chếch lên trên sang phải, tay trái rút chốt an toàn (Hình 10.10a), dùng mũi bàn chân làm trụ xoay người về phía phải, hơi ngả về sau, đồng thời gối phải theo đà xoay theo, mông hơi nhô lên. Tay phải đưa lựu đạn qua phải về sau để lấy đà, đồng thời dùng sức vút của cánh tay phải, sức rướn của thân người và sức bật của đùi phải ném lựu đạn vào mục tiêu (Hình 10.10b, c).



Hình 10.10. Quỳ ném lựu đạn – Cử động 3



Quan sát hình 10.8 – 10.10, đọc thông tin và thực hiện động tác quỳ ném lựu đạn.

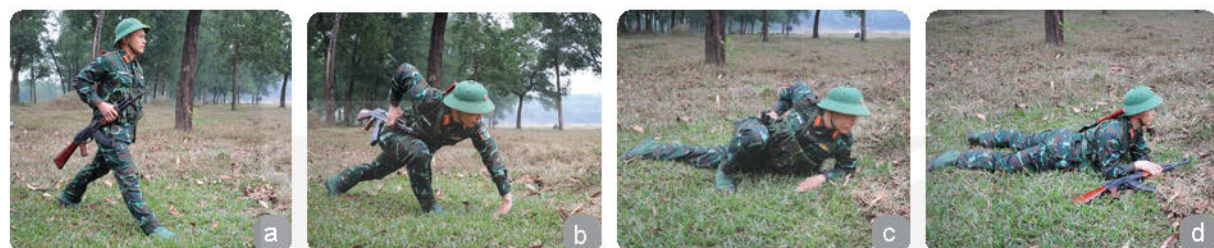
3. Nằm ném lựu đạn

a) Trường hợp vận dụng

Khi gần địch và địa hình trống trải không có hoặc chiều cao vật che đỡ thấp (cao không quá 40 cm) thì vận dụng tư thế nằm ném.

b) Động tác

Cử động 1: Tay phải xách súng, chân phải bước lên một bước dài theo hướng bàn chân phải, chân trái dùng mũi bàn chân làm trụ xoay gót sang trái để người hướng theo hướng bàn chân phải (Hình 10.11a), chống bàn tay trái xuống đất trước mũi bàn chân phải khoảng 20 cm, mũi bàn tay hướng chéo về bên phải phía sau (Hình 10.11b), thứ tự đặt căng tay trái, đùi trái xuống đất và nằm xuống (Hình 10.11c, d).



Hình 10.11. Nằm ném lựu đạn – Cử động 1

Cử động 2: Tay phải đặt súng sang bên phải, hộp tiếp đạn quay sang trái, đầu nòng súng hướng về phía mục tiêu (Hình 10.12a), thân người hơi nghiêng sang trái, hai tay lấy lựu đạn ra, tay phải cầm lựu đạn, tay trái rút chốt an toàn (Hình 10.12b, c).



Hình 10.12. Nằm ném lựu đạn – Cử động 2

Cử động 3: Hai tay chống trước ngực, mũi bàn chân trái và đầu gối trái làm trụ, vừa nâng vừa đẩy người là mặt đất về sau, căng chân trái để nguyên, chân phải duỗi thẳng tự nhiên và lùi về sau tới khi gối trái thành thế co ngang thắt lưng (Hình 10.13a, b). Tay phải đưa lựu đạn sang phải về sau hết cỡ, tay trái đẩy nửa thân người phía trên xoay theo, chân phải theo đà xoay theo, thân người hơi cong về sau (Hình 10.13c), đồng thời dùng sức vút của tay phải, sức bật của thân người và sức đẩy của chân trái ném lựu đạn vào mục tiêu (Hình 10.13d) và nằm xuống, ném tiếp quả khác hoặc lấy súng tiếp tục bắn hoặc tiến.





Hình 10.13. Nằm ném lựu đạn – Cử động 3

Chú ý: Khi ném lựu đạn phải kết hợp sức vút của tay và sức bật của người để ném được xa, đồng thời chân phải xoay theo trục hướng ném để vừa lấy đà vừa giữ cho lựu đạn đi đúng hướng. Không được quỳ gối lên rồi mới ném lựu đạn vì tư thế cao dễ bị lộ.

LUYỆN TẬP

Luyện tập động tác ném lựu đạn.

– Luyện tập cá nhân:

Từng người tự nghiên cứu động tác, tập trung vào động tác lấy lựu đạn, cầm lựu đạn, vung lựu đạn, sức bật của chân, sức vút của tay, thời cơ buông lựu đạn,...

– Luyện tập theo nhóm

Luân phiên ở cương vị trưởng nhóm chỉ huy nhóm luyện tập theo các bước:

Bước 1: Tập chậm: Tập chậm từng cử động động tác ném lựu đạn; vừa tập vừa sửa tập.

Bước 2: Tập tổng hợp: Tập liên kết các cử động động tác ném lựu đạn từ chậm đến nhanh sát điều kiện ném.

Chú ý:

- Phải khởi động trước khi luyện tập ném lựu đạn.
- Khi luyện tập nhanh (có ném lựu đạn) phải có người phục vụ (đọc điểm rơi và nhặt lựu đạn).

VẬN DỤNG

Trường em tổ chức Hội thao Giáo dục quốc phòng và an ninh, em được chọn tham gia thi nội dung ném lựu đạn xa, trúng đích. Em vận dụng kiến thức đã học như thế nào để ném lựu đạn trúng mục tiêu?

Em có biết?

Thiếu nữ ném lựu đạn diệt giặc

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, vào tháng 7/1948 Công an xung phong Đất Đỏ được giao nhiệm vụ phá cuộc mít tinh kỉ niệm ngày Quốc khánh Pháp. Võ Thị Sáu là đội viên của Công an xung phong Đất Đỏ nhận lựu đạn, giấu vào góc chợ gần khán đài từ nửa đêm. Sáng hôm đó, địch lừa người dân vào sân, khi xe của tên tỉnh trưởng tới, chị ném lựu đạn vào khán đài, uy hiếp giải tán mít tinh. Lần tiếp theo, Võ Thị Sáu mang theo lựu đạn, trà trộn cùng đám người đi làm căn cước và ném lựu đạn vào tên cai tổng Tòng, hô to "Việt Minh tấn công!", rồi kéo mấy chị em cùng chạy. Vụ tấn công khiến tên Tòng bị thương nặng, bọn lính đồn khiếp vía.

(Trích Võ Thị Sáu – Con người và huyền thoại, Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2009).

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Thuật ngữ	Giải thích thuật ngữ	Trang
Công tác cơ yếu	Hoạt động cơ mật đặc biệt, thuộc lĩnh vực an ninh quốc gia.	13
Công ước	Điều ước quốc tế được kí kết giữa các nước nhằm thoả thuận những vấn đề về một lĩnh vực nhất định.	5, 6, 7, 8
Diễn tập chỉ huy – tham mưu	Diễn tập của người chỉ huy và cơ quan tham mưu nhằm luyện tập cách giải quyết các vấn đề về chuẩn bị và thực hiện trận chiến đấu.	32
Hạ sĩ quan	Công dân đang phục vụ trong lực lượng thường trực hoặc trong ngạch dự bị của Quân đội nhân dân và lực lượng Cảnh sát biển; hoặc thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, được phong, thăng cấp bậc hàm Thượng sĩ, Trung sĩ, Hạ sĩ.	14, 15
Khu vực phòng thủ	Khu vực được tổ chức về quốc phòng, an ninh theo địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh nằm trong hệ thống phòng thủ chung của cả nước để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.	30, 32
Ngụy trang	Phương pháp thay đổi ngoại hình, hình dáng của một vật để nó trở nên lẫn vào môi trường xung quanh.	53, 54, 55
Quan trắc (Quan trắc môi trường)	Việc theo dõi liên tục, định kì, đột xuất có hệ thống về thành phần môi trường, các nhân tố tác động đến môi trường, chất thải nhằm cung cấp thông tin đánh giá hiện trạng môi trường, diễn biến chất lượng môi trường và tác động xấu đến môi trường.	26
Tại ngũ	Đang công tác trong quân đội hoặc công an.	11, 13, 14
Tập chậm	Tập chậm lần lượt từng cử động, từng yếu lĩnh đến toàn bộ động tác, vừa tập vừa rút kinh nghiệm, tự phát hiện sai sót, sửa tập và tập nhiều lần cho đúng.	45, 54, 59, 66
Tập tổng hợp	Tập liên kết các cử động để hoàn chỉnh, thành thạo động tác.	45, 54, 59, 66
Quân khu	Tổ chức quân sự theo một vùng lãnh thổ (thường gồm một số tỉnh, thành phố giáp nhau, có liên quan với nhau về quân sự) trực thuộc Bộ Quốc phòng.	29, 31
Vọng quan sát	Nơi bố trí để làm nhiệm vụ quan sát.	32

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: PHẠM VĨNH THÔNG – NGUYỄN THỊ HÀ

Biên tập mỹ thuật: BÙI QUANG TUẤN

Thiết kế sách: TẠ XUÂN PHƯƠNG

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Minh hoạ: BÙI QUANG TUẤN

Sửa bản in: NGUYỄN THỊ HÀ

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền © (2023) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 11

Mã số: G3HHYP001A23

Inbản, (QĐ) khổ 19 x 26.5cm

Đơn vị in: địa chỉ

Số ĐKXB: 8-2023/CXBIPH/188-2097/GD

Số QĐXB: /QĐ – GD – HN ngày tháng năm 20...

In xong nộp lưu chiểu tháng ... năm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-35132-6